

V/v: Báo cáo thường niên năm 2025
Re: Annual Report in 2025

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026
Hanoi, April 15, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Tên Công ty : Công ty Cổ phần VinafcO
Name of company *VinafcO Joint Stock Corporation*
Mã chứng khoán : VFC
Stock symbol
Trụ sở chính : Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address of Head Office *Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Viet Nam*
Điện thoại/Tel: : (84-4) 37684464
Fax : (84-4) 37684465
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Xuân Thịnh
Person responsible for information disclosure *Mr. Nguyen Xuan Thinh*
Chức vụ : Trưởng phòng Pháp chế
Position *Head of Legal Department*

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Type of disclosure: 24h 72h Requirement Extraordinary Periodic

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần VinafcO công bố thông tin về Báo cáo thường niên của công ty năm 2025.

Content of information disclosure: VinafcO Joint Stock Corporation announces 2025 Annual Report.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần VinafcO, tại địa chỉ: <https://vinafcO.com.vn/>.

This information is disclosed on the website of VinafcO Joint Stock Corporation at the address: <https://vinafcO.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information disclosed above is truthful and we take full responsibility before the law for the content of information disclosure.

Tài liệu gửi kèm: Báo cáo thường niên năm 2025.

Attached Document: 2025 Annual Report.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như Kính gửi;
As addressed;
- Lưu VP;
Archive at HO;

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE



Nguyễn Xuân Thịnh

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
NĂM 2025**

***ANNUAL REPORT
VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
IN 2025***



MỤC LỤC/ TABLE OF CONTENTS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION	2
1. Thông tin khái quát/ <i>Overview Information</i>	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ <i>Business activities and operating areas</i>	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ <i>Information on governance model, business organization, and management structure</i>	12
4. Định hướng phát triển/ <i>Development orientation</i>	21
5. Các rủi ro/ <i>Risks</i>	23
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025/ PERFORMANCE SITUATION IN 2025	25
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Business operations</i>	25
2. Tổ chức và nhân sự/ <i>Organization and personnel</i>	26
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ <i>Investment situation and Project implementation</i>	34
4. Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	38
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ <i>Shareholder structure and changes in owner's investment capital</i>	41
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ <i>Report on the Company's environmental and social impact</i>	42
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH/ REPORT AND ASSESSMENT BY THE EXECUTIVE BOARD	44
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Evaluation of Business Performance</i> ..	44
2. Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	46
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ EVALUATION BY THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATIONS	50
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ <i>Evaluation of the Board of Directors on the Company's activities</i>	50
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty/ <i>Board of Directors assessment of the Executive Board's performance</i>	50
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026/ <i>Plans and directions of the Board of Directors for 2026</i>	51
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE	51
1. Hội đồng quản trị/ <i>Board of Directors</i>	51
2. Ban Kiểm soát/ <i>Supervisory Committee</i>	65
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát/ <i>Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Board of Directors and the Supervisory Committee</i>	67
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL REPORT	78



I. THÔNG TIN CHUNG/ *GENERAL INFORMATION*

1. Thông tin khái quát/ *Overview Information*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO
Trading Name: VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108504
Business Registration Certificate No. 0100108504
- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng)
Charter Capital: 340,000,000,000 VND (Three hundred forty billion VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng)
Owner's Contributed Capital: 340,000,000,000 VND (Three hundred forty billion VND)
- Địa chỉ: Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam.
- Số điện thoại: 0243.7685775/ *Phone Number: 0243.7685775*
- Số fax: 0243.7684465/ *Fax Number: 0243.7684465*
- Website: vinafco.com.vn
- Mã cổ phiếu: VFC/ *Stock Code: VFC*
- Quá trình hình thành và phát triển/ *Formation and Development Process*

Công ty Cổ phần Vinafco, tiền thân là Công ty Dịch vụ vận tải Trung ương, được thành lập theo Quyết định số 233A QĐ/TCCB ngày 16/12/1987 của Bộ giao thông vận tải. Công ty Cổ phần Vinafco (“Vinafco” hoặc “Công ty”) (đổi tên sau khi cổ phần hoá từ Công ty Dịch vụ vận tải Trung ương) là kết quả của một quá trình gần 40 năm xây dựng và phát triển vượt trội. Hiện nay, đội ngũ CBNV 685 người, tổng tài sản trên 1.146 tỷ đồng, vốn điều lệ 340 tỷ đồng. Hệ thống cơ sở vật chất của Công ty gồm phương tiện vận tải ô tô, đội tàu biển nội địa và hệ thống kho hàng hiện đại tại các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai ...

Vinafco Joint Stock Corporation, formerly known as the Central Transport Service Company, was established under Decision No. 233A QĐ/TCCB dated December 16, 1987, by the Ministry of Transport. Vinafco Joint Stock Corporation (“Vinafco” or “Company”), renamed after the equitization of the Central Transport Service Company, is the result of nearly 40 years of outstanding growth and development. Currently, the company has a workforce of nearly 685 employees, total assets over 1.146 billion VND, and charter capital of 340 billion VND. The company’s infrastructure includes a fleet of

trucks, domestic shipping vessels, and a modern warehousing system located in key economic regions of Vietnam, such as Hanoi, Ho Chi Minh, Bac Ninh, Hai Phong, Da Nang, Binh Duong, Tay Ninh, and Dong Nai ...

Một số dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Vinafco:

Some important milestones in the development process of Vinafco:

- *Giai đoạn 1995-1997: Giai đoạn mở rộng quy mô tổ chức/bộ máy/lĩnh vực hoạt động: Mục tiêu ban đầu Công ty chỉ hoạt động chủ yếu tại Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc, Công ty đã vươn ra hoạt động trên hầu khắp các tỉnh, thành phố, đồng thời mở rộng quy mô tổ chức và đầu tư như: Thành lập xí nghiệp đại lý vận tải và vật tư kỹ thuật; Văn phòng đại diện tại Hải Phòng, thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đầu tư phương tiện vận tải ô tô, đội tàu vận tải biển pha sông... mang lại hiệu quả hoạt động cao, góp phần bổ sung, tích lũy nguồn lực, tạo đà phát triển vượt trội.*
- *Period 1995-1997: Period of expansion of organization/apparatus/field of operation: Initial goal of the Company only operating mainly in Hanoi and some Northern provinces, the Company has expanded its operations in almost all provinces and cities, and at the same time expanded the scale of organization and investment such as: Establishment of transport and technical materials agent enterprises; Representative office in Hai Phong, establishment of a branch in Ho Chi Minh City; Investing in automobile transport, river crossing fleets... bringing high operational efficiency, contributing to supplementing and accumulating resources, creating outstanding development momentum.*

Giai đoạn 2000-2001: Giai đoạn chuyển đổi mô hình hoạt động: Là một trong những công ty đầu tiên của Bộ Giao thông vận tải cổ phần hóa theo chủ trương của Nhà nước, ngày 18/01/2001, công ty chuyển đổi sang mô hình hoạt động công ty cổ phần với tên gọi “Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trung ương”. Với tổ chức, hệ thống quản trị theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của nguồn lực nhân sự, vốn đầu tư, cơ sở vật chất, phương tiện, tạo nên sự đổi mới cả về hình thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, khẳng định uy tín, vị thế và tạo lập tiền đề, cơ sở cho sự hình thành và phát triển các dịch vụ logistics, trở thành một trong những công ty đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực logistics còn khá mới mẻ tại Việt Nam.

Period 2000-2001: Transition to a new business model: As one of the first companies under the Ministry of Transport to undergo equitization following the government's policy, Vinafco officially transitioned to a joint-stock company model on January 18, 2001, under the name “Central Transport Service Joint Stock Company”. With a corporate governance system structured according to the joint-stock model, the company maximizes its human resources, investment capital, infrastructure, and transportation assets. This transformation led to innovation in business operations, improved service quality, and enhanced efficiency. As a result, Vinafco strengthened its reputation and position in the market, laying the foundation for the development of

logistics services. The company became one of the pioneers in Vietnam's logistics industry, which was still relatively new at the time.

- Tháng 11/2002, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinafco, bắt đầu một giai đoạn, một hành trình phát triển mới: Xây dựng thương hiệu Vinafco, tăng tốc phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước tiếp cận, xác lập, áp dụng các quy trình, quy chuẩn về dịch vụ logistics, vận tải và giao nhận hiện đại để trở thành công ty dịch vụ chuyên nghiệp về logistics tại Việt Nam.

November 2002: Renaming Vinafco Joint Stock Corporation and a new development journey. This period focused on building the Vinafco brand, accelerating growth, enhancing service quality, and gradually adopting and implementing modern logistics, transportation, and freight forwarding standards and processes to become a professional logistics service provider in Vietnam.

- *Trở thành công ty đại chúng, niêm yết trên sàn chứng khoán:* Năm 2006, Công ty Cổ phần Vinafco trở thành công ty đại chúng bằng việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thu hút các nguồn vốn, nâng lực quản trị doanh nghiệp hiện đại, đem lại cho Công ty sức mạnh mới trong quản trị, điều hành, năng lực tài chính. Bằng cách tận dụng cơ hội để phát triển và đầu tư, Vinafco đã khẳng định uy tín, định vị thương hiệu và sức mạnh trên thị trường cung cấp dịch vụ logistics.

Becoming a public company and listing on the Stock Exchange: In 2006, Vinafco Joint Stock Corporation became a public company by listing its shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE). This strategic move aimed to attract capital resources, enhance corporate governance capabilities, and provide the company with new strength in management, operations, and financial capacity. By leveraging investment and growth opportunities, Vinafco strengthened its market reputation, brand positioning, and competitive edge in the logistics service industry.

- *Tăng vốn, thu hút nguồn lực và tăng tốc phát triển:* Năm 2008 ghi dấu sự phát triển bằng việc phát hành cổ phiếu thành công, tăng vốn điều lệ từ 67 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng. Vào tháng 10/2011, Vinafco đã tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 340 tỷ đồng. Nhờ đó, Vinafco đã chuyển hóa mạnh mẽ bởi sự đột phá về quản trị điều hành với việc áp dụng các chuẩn mực tiên tiến, tập trung sức mạnh, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư mạnh mẽ cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính, tạo bước ngoặt trong sự phát triển của mình.

Capital increase, resource mobilization, and accelerated growth: 2008 marked a significant milestone in Vinafco's growth with successful stock issuance, increasing charter capital from 67 billion VND to 200 billion VND. In October 2011, Vinafco further raised its charter capital from 200 billion VND to 340 billion VND. This financial boost enabled Vinafco to transform its operations through breakthrough corporate governance, implementing advanced standards, leveraging the expertise

and strength of its employees, and making substantial investments in infrastructure and financial resources, creating a turning point in its development.

- *Giai đoạn 2015-2025: Mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2025 được Hội đồng quản trị (“HĐQT”) thông qua là phát triển “Trở thành một trong năm công ty hàng đầu về cung cấp dịch vụ logistics tích hợp và giải pháp chuỗi cung ứng tại thị trường Việt Nam, Lào, Campuchia cho đến năm 2025”.*

Period 2015-2025: The Board of Directors (BOD) approved the 2015-2025 strategic development goal, aiming: “To establish Vinafco as one of the top five companies in integrated logistics services and supply chain solutions in the Vietnam, Lao, and Cambodia markets by 2025”.

- Các sự kiện khác: Không có

Other events: None

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business activities and operating areas*

- Ngành, nghề kinh doanh:

List of business activities:

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
1	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Warehousing and storage</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh kho bãi, bãi container và thu gom hàng hóa; Bảo quản các loại hàng hóa; Bảo quản các loại hàng hóa, thực phẩm. <i>Details: Warehouse business, container yard and goods collection; Preservation of all kinds of goods; Preservation of all kinds of goods and food.</i></p>
2	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Wholesale of solid, liquid and gaseous fuels and related products</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật (CPC 622) <i>Details: Exercise the right to wholesale distribution of goods according to the provisions of law (CPC 622)</i></p>
3	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Trading in real estate, land use rights belonging to owners, users or leasers</i></p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
	<p><u>Chi tiết:</u> Cho thuê văn phòng và các dịch vụ cho thuê văn phòng <i>Details: Office leasing and office leasing services</i></p>
4	<p>Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Other mining has not been classified anywhere</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Khai thác khoáng sản <i>Details: Mineral exploitation</i></p>
5	<p>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu <i>Production of products from other non-metallic minerals that have not been classified anywhere</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Chế biến khoáng sản <i>Details: Mineral processing</i></p>
6	<p>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Buôn bán máy, thiết bị bưu chính viễn thông (điện thoại, điện thoại di động, tổng đài) <i>Details: Trading of postal and telecommunications equipment (phones, mobile phones, switchboards)</i></p>
7	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Installation of industrial machinery and equipment</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Lắp đặt, bảo hành máy, thiết bị bưu chính viễn thông (điện thoại, điện thoại di động tổng đài) <i>Details: Installation and warranty services for postal and telecommunications equipment (phones, mobile phones, switchboards)</i></p>
8	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Wholesale machinery, equipment and other machine parts</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Buôn bán vật tư, máy móc, thiết bị hàng tiêu dùng <i>Details: Trading of materials, machinery, equipment, and consumer goods.</i></p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
9	<p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Wholesale of agricultural raw materials (except wood, bamboo) and live animals</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Bán buôn thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, thức ăn chăn nuôi, gia súc, gia cầm; Kinh doanh cung ứng lương thực (ngô, sắn, thức ăn gia súc)</p> <p><u>Details:</u> <i>Wholesale of feed and raw materials for aquaculture feed production, livestock and poultry feed; Trading and supplying food products (corn, cassava, livestock feed).</i></p>
10	<p>Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Production of building materials from clay</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Sản xuất vật liệu xây dựng</p> <p><u>Details:</u> <i>Production of building materials</i></p>
11	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Wholesale of other materials and installation equipment in construction</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng: cát, xỉ, perit, đá vôi, thạch cao, gỗ;</p> <p><u>Details:</u> <i>Trading in building materials; trading in materials and services of commodities: sand, slag, perit, limestone, gypsum, wood;</i></p>
12	<p>Sản xuất sắt, thép, gang <i>Production of iron, steel, cast iron</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Sản xuất thép xây dựng</p> <p><u>Details:</u> <i>Construction steel production</i></p>
13	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Manufacture of metal structures</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Chế biến sắt thép xây dựng</p> <p><u>Details:</u> <i>Processing of construction steel and iron.</i></p>
14	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh Name of business activities
	<p><i>Wholesale of metals and metal ores</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh sắt thép xây dựng; kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng: Apatite, quặng các loại</p> <p><i>Details: Trading of construction steel and iron; trading materials and services for products such as apatite and various types of ores.</i></p>
15	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh dịch vụ các mặt hàng phân bón, khí amoniac hóa lỏng, klinker; kinh doanh vật tư và dịch vụ các mặt hàng muối, than.</p> <p><i>Details: Trading services for products such as fertilizers, liquefied ammonia gas, and clinker; trading materials and services for products such as salt and coal.</i></p>
16	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Other remaining business support services not elsewhere classified</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Nhận ủy thác nhập khẩu, làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa cho các chủ hàng; kinh doanh nhập khẩu phương tiện thiết bị giao thông vận tải; nhận ủy thác đại lý giao nhận, nhận ủy thác vận tải hàng không.</p> <p><i>Details: Providing import consignment services, handling import and export procedures for clients; trading and importing transportation equipment and vehicles; acting as a consignment agent for freight forwarding and air transport services.</i></p>
17	<p>Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị</p> <p><i>Repair and maintenance of machinery and equipment</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Dịch vụ sửa chữa các thiết bị giao thông vận tải và tàu biển cho các hãng tàu.</p> <p><i>Details: Repair services for transportation equipment and ships for shipping lines.</i></p>
18	<p>Bốc xếp hàng hóa</p> <p><i>Cargo handling</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh xếp dỡ các loại hàng hóa</p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
	<i>Details: Business operations in loading and unloading various types of goods.</i>
19	<p>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transport</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Dịch vụ vận tải quốc tế trong đó có vận tải hàng quá cảnh; Vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước. <i>Details: International transport services, including transit cargo transportation; Domestic and international sea freight transportation.</i></p>
20	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Road freight transport</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Kinh doanh vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường ô tô trong và ngoài nước <i>Details: Transport business; domestic and international road freight transportation.</i></p>
21	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa <i>Inland waterway freight transport</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Vận tải hàng hóa bằng đường sông trong và ngoài nước <i>Details: Domestic and international river freight transportation.</i></p>
22	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Other transport-related support services</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Dịch vụ thông quan; Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ; Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay; Dịch vụ kho bãi (CPC 742); Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748), bao gồm cả dịch vụ giao nhận hàng hóa; Các dịch vụ khác (bao gồm kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải). <i>Details: Customs clearance services; Container warehousing services; Container loading and unloading services (excluding services provided at airports); Warehousing services (CPC 742); Freight forwarding agency services (CPC 748), including cargo handling services; Other services (including bill of lading)</i></p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
	<i>inspection, freight brokerage services, cargo inspection, sampling and weight determination services, cargo survey services, cargo receiving and acceptance services, and transport document preparation services).</i>
23	Cho thuê xe có động cơ <i>Motor vehicle rental</i>
24	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí <i>Rental of sports and recreational equipment</i>
25	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính <i>Rental of non-financial intangible assets</i>
26	<p>Bưu chính <i>Postal services</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Nhóm này gồm: Các hoạt động bưu chính theo các quy định phổ biến và thống nhất. Hoạt động bưu chính sử dụng cơ sở hạ tầng chung để thực hiện việc nhận, phân loại, đóng gói và chuyển thư, bưu thiệp, báo, tạp chí, ấn phẩm quảng cáo, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa hoặc tài liệu theo các tuyến và khu vực. Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ khác nhằm hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động này như: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện và bưu phẩm bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được quy định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải thuộc sở hữu của bưu điện hoặc phương tiện vận tải công cộng; - Nhận thư hoặc bưu phẩm, bưu kiện từ các hòm thư công cộng hoặc cơ sở bưu điện; - Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.</p> <p><u>Details:</u> <i>This category includes postal activities carried out under common and unified regulations. Postal services use shared infrastructure for receiving, sorting, packaging, and delivering letters, postcards, newspapers, magazines, advertising materials, parcels, and documents along designated routes and areas. This category also includes other services that directly support postal operations, such as: - Receiving, sorting, transporting, and distributing (domestically or internationally) letters, parcels, and postal items through postal services under standardized service agreements. These operations may involve one or multiple transportation methods, utilizing either postal-owned or public transport vehicles;</i></p>

STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh Name of business activities
	- Collecting letters or parcels from public mailboxes or postal facilities; - Distributing and delivering letters, parcels, and postal items.
27	Dịch vụ đóng gói <i>Packaging services</i>
28	<p>Chuyên phát <i>Courier Services</i></p> <p><u>Chi tiết:</u> Nhóm này gồm: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng; - Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện. Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ giao hàng tận nhà (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p> <p><i>Details: This category includes: - Receiving, sorting, transporting, and distributing (domestically or internationally) letters, parcels, and postal items for businesses that do not operate under standardized service agreements. These operations may involve one or multiple transportation methods, utilizing either company-owned or public transport vehicles. - Distributing and delivering letters, parcels, and postal items. This category also includes: Home delivery services (For conditional business sectors, enterprises may only operate when meeting the legal requirements).</i></p>
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Direct support services for waterway transport</i>
30	Bán lẻ nhiên liệu động cơ <i>Retail sale of automotive fuel</i>
31	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Other road passenger transport</i>
32	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác <i>Business and other management consultancy activities</i>



STT No.	Tên ngành nghề kinh doanh <i>Name of business activities</i>
33	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận <i>Market research and public opinion polling</i> <u>Chi tiết:</u> Nghiên cứu thị trường <u>Details:</u> <i>Market research</i>
34	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Agency, brokerage, and auction of goods</i> <u>Chi tiết:</u> Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa. <u>Details:</u> <i>Sales agency; Brokerage for buying and selling goods.</i>
35	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển <i>Rental of machinery, equipment, and other tangible goods without operators</i> <u>Chi tiết:</u> Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển. <u>Details:</u> <i>Rental of agricultural and forestry machinery and equipment without operators; Rental of construction machinery and equipment without operators; Rental of office machinery and equipment (including computers) without operators.</i>

- Địa bàn kinh doanh:

Operating areas:

Công ty Cổ phần Vinafco có địa bàn kinh doanh trên khắp cả nước, tập trung chủ yếu tại một số tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bắc Ninh, Lạng Sơn, ...

Vinafco Joint Stock Corporation operates nationwide, primarily focusing on major provinces and cities such as Hanoi, Ho Chi Minh, Hai Phong, Da Nang, Bac Ninh, Lang Son, ...

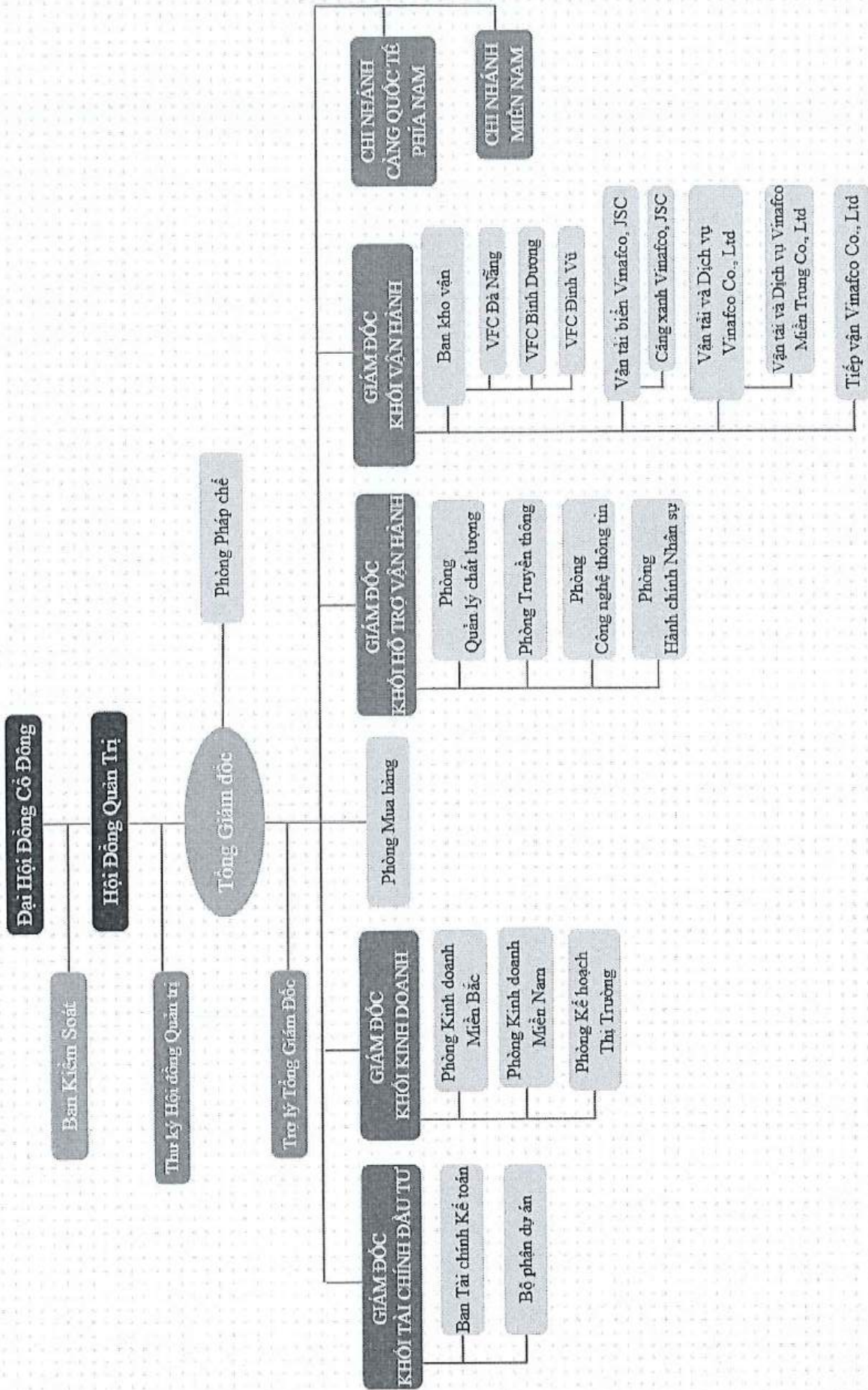
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information on governance model, business organization, and management structure*

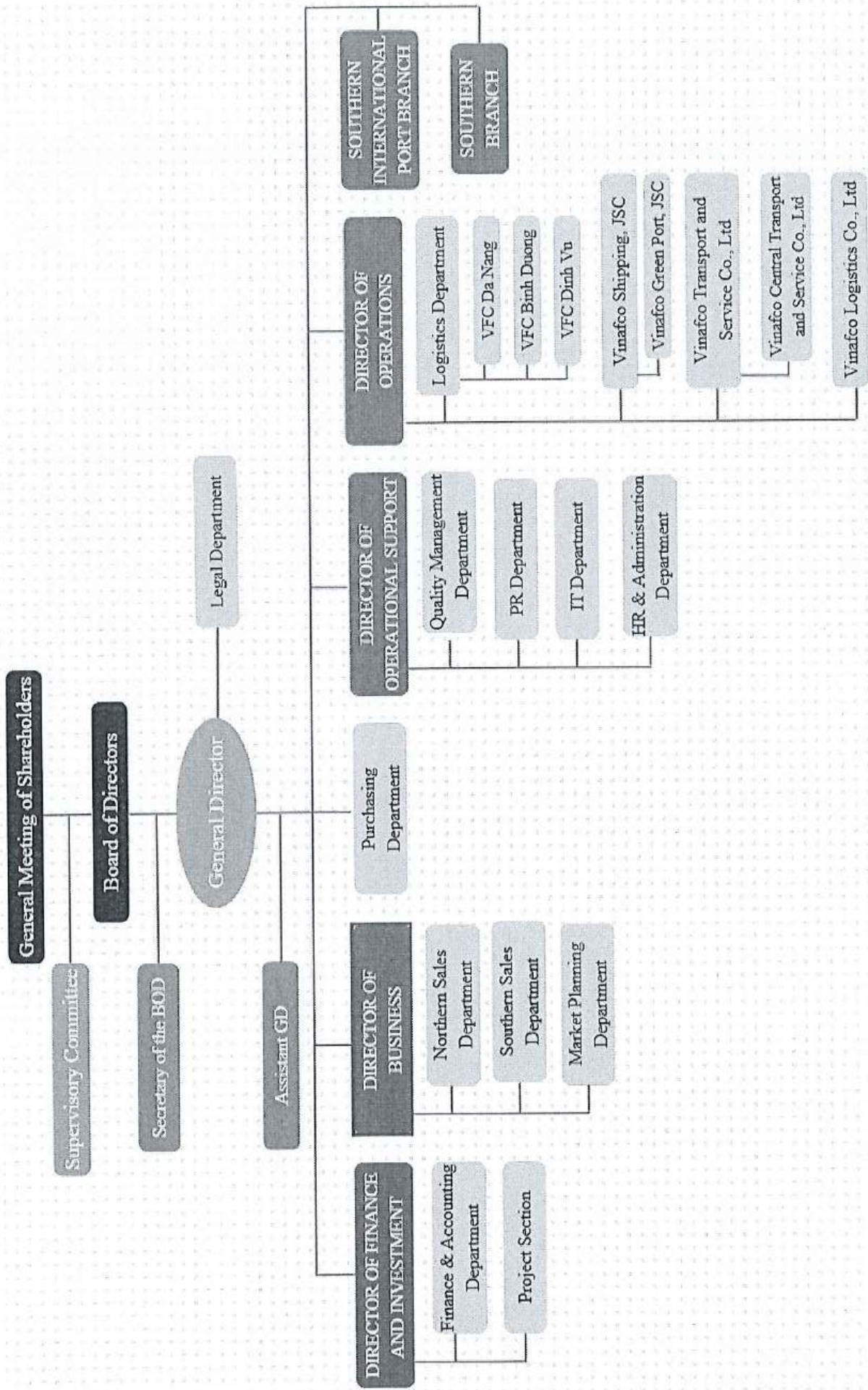
Vinafco là Công ty Cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Tổ chức điều hành của Công ty được cơ cấu theo mô hình Công ty mẹ - con, với Tổng Giám đốc đứng đầu Ban điều hành - Các phòng ban chức năng - Các chi nhánh - Hệ thống công ty TNHH do Vinafco sở hữu và các công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Vinafco.

Vinafco is a Joint Stock Company operating in accordance with the Law on Enterprises of Vietnam. The company follows a parent-subsidiary model, with the General Director leading the Executive Board, which includes functional departments, branches, wholly-owned subsidiaries (limited liability companies), and joint-stock companies where Vinafco holds a controlling stake.

Cơ cấu tổ chức được sửa đổi đảm bảo cho hoạt động điều hành, quản trị Công ty được triển khai thuận tiện, xuyên suốt, có phân cấp, phân quyền rõ ràng, tạo cơ chế chủ động và giúp tập trung nguồn lực, sức mạnh của cơ sở vật chất, con người đồng thời kết nối, hỗ trợ giữa các công ty thành viên cùng thực hiện mục tiêu kinh doanh cốt lõi và chiến lược: Cung cấp các dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng chất lượng cao.

The organizational structure has been adjusted to ensure efficient corporate governance and management, facilitating smooth operations with clear delegation of authority and responsibilities. This structure enhances proactive decision-making, optimizes resources, and strengthens coordination among subsidiaries to collectively achieve the core business goals and strategic vision: Providing high-quality logistics and supply chain services.





- *Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Vinafco*

Management structure of Vinafco Joint Stock Corporation

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

General Meeting of Shareholders

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

The General Meeting of Shareholders consists of all shareholders with voting rights and is the highest decision-making authority in the company. It decides on matters as prescribed by law and the company's charter. Notably, shareholders approve the company's annual financial statements and the financial budget for the following year.

Hội đồng quản trị (HDQT)

Board of Directors (BOD)

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

The Board of Directors is the governing body of the company, holding full authority to act on behalf of the company in deciding all matters related to its objectives and interests, except for matters under the jurisdiction of the General Meeting of Shareholders. The BOD supervises the General Director and other managers. The rights and obligations of the BOD are defined by law, the company's Charter, internal regulations, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

Ban Kiểm soát (BKS)

Supervisory Committee

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

As a body directly under the General Meeting of Shareholders and elected by the General Meeting of Shareholders, the Supervisory Committee is responsible for inspecting the reasonableness and legality of the management of business activities and the Company's

Financial Statements. The Supervisory Committee operates independently from the Board of Directors and Executive Board.

Ban điều hành

Executive Board

Ban điều hành do Tổng Giám đốc đứng đầu, Tổng Giám đốc có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

The Executive Board is led by the General Director, who has the highest authority over all matters related to the company's daily operations. The General Director is accountable to the Board of Directors for the execution of assigned rights and responsibilities.

Khối tham mưu

Advisory division

Gồm các khối, phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc, trực tiếp vận hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban điều hành. Khối tham mưu của Công ty gồm:

The Advisory division consists of various departments and units that provide consultation and support to the General Director. These units operate directly according to their specialized functions and under the direction of the Executive Board. The Advisory Division of the company includes:

- Khối Tài chính Đầu tư gồm có: Ban Tài chính Kế toán, Bộ phận Dự án;
Finance and Investment division, comprising: Financial and Accounting Department, Legal Department, Project Department;
- Khối Hỗ trợ Vận hành gồm có: Phòng Hành chính nhân sự, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng truyền thông, Phòng Công nghệ thông tin;
Operations Support Division, comprising: Human Resources & Administration Department, Quality Management Department, Communications Department, Information Technology Department;
- Khối Vận hành gồm có: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco, Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco, Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương, Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ, Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung, Công ty Cổ phần Cảng xanh Vinafco;
Vinafco Shipping JSC, Vinafco Logistics Co., Ltd, Vinafco Transport and Service Co., Ltd, Vinafco Da Nang One Member Co., Ltd, Vinafco Binh Duong One

Member Co., Ltd, Vinafco Dinh Vu Logistics Co., Ltd, Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd, Vinafco Green Port JSC.;

Hai phòng hỗ trợ của Công ty gồm: Phòng Mua hàng, Phòng Pháp chế.

The Company's two support departments include: the Purchasing Department and the Legal Department

- Danh sách những công ty mà Vinafco đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2025

List of companies in which Vinafco holds controlling interest or majority shares as of December 31, 2025

STT No.	Tên công ty thành viên Name of member company	Mã số doanh nghiệp Business registration number	Địa chỉ Address	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Vốn điều lệ (tỷ đồng) Charter capital (billion VND)	Tỷ lệ sở hữu của Vinafco (%) Vinafco's Ownership Rate (%)
1.	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company	0105275178	Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Business of coastal and ocean freight transport services	90	90,12
2.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited	0106641275	33C Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội. No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha Noi City	Vận tải hàng hóa đường bộ Road Freight Transport	25	100
3.	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Vinafco Transportation	0106641324	33C Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Manufacture of other special-purpose	44	100

STT No.	Tên công ty thành viên <i>Name of member company</i>	Mã số doanh nghiệp <i>Business registration number</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Ngành nghề kinh doanh chính <i>Main business activities</i>	Vốn điều lệ (tỷ đồng) <i>Charter capital (billion VND)</i>	Tỷ lệ sở hữu của Vinafco (%) <i>Vinafco's Ownership Rate (%)</i>
	<i>and Services Company Limited</i>		<i>No. 33C Cat Linh Street, Cat Linh Ward, Dong Da District, Ha Noi City</i>	<i>machinery</i>		
4.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng <i>Vinafco Da Nang One Member Company Limited</i>	0401389827	Đường số 5A, Khu công nghiệp Hòa Cầm, Phường Cầm Lệ, Thành phố Đà Nẵng <i>Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Hoa Tho Tay Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam</i>	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá <i>Warehousing and storage of goods</i>	31,5	100
5.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương <i>Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i>	3701833950	Lô N, đường số 26, KCN Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City.</i>	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá <i>Warehousing and storage of goods</i>	45	100

STT No.	Tên công ty thành viên <i>Name of member company</i>	Mã số doanh nghiệp <i>Business registration number</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Ngành nghề kinh doanh chính <i>Main business activities</i>	Vốn điều lệ (tỷ đồng) <i>Charter capital (billion VND)</i>	Tỷ lệ sở hữu của Vinafco (%) <i>Vinafco's Ownership Rate (%)</i>
6.	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ <i>Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company</i>	0200887974	Phòng 227, tầng 2, Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng <i>Room 227, 2nd floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City</i>	Vận tải hàng hóa đường bộ <i>Road Freight Transport</i>	21	100
7.	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Vinafco Central Transport and Services Company Limited</i>	3100943814	Thôn Cương Trung C, xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị <i>Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province</i>	Vận tải hàng hóa đường bộ <i>Road Freight Transport</i>	5	49
8.	Công ty Cổ phần Cảng xanh Vinafco <i>Vinafco Green Port Joint Stock Company</i>	1102134170	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh <i>Thien Loc Thanh Industrial</i>	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá <i>Warehousing and storage of goods</i>	5	51

STT No.	Tên công ty thành viên <i>Name of member company</i>	Mã số doanh nghiệp <i>Business registration number</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Ngành nghề kinh doanh chính <i>Main business activities</i>	Vốn điều lệ (tỷ đồng) <i>Charter capital (billion VND)</i>	Tỷ lệ sở hữu của Vinafco (%) <i>Vinafco's Ownership Rate (%)</i>
			<i>Cluster, Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province</i>			<i>(sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco) (Indirectly owned through its subsidiary, Vinafco Shipping Joint Stock Company)</i>

4. Định hướng phát triển/ *Development orientation*

Vinafco đã xác định ngành nghề kinh doanh cốt lõi là cung cấp dịch vụ logistics tích hợp và giải pháp chuỗi cung ứng với tầm nhìn 2024 – 2026: Khẳng định vị thế dẫn đầu bằng việc lọt vào TOP 5 Công ty hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực logistics tích hợp và dịch vụ chuỗi cung ứng và dịch vụ vận tải biển nội địa.

Vinafco has identified its core business as providing integrated logistics services and supply chain solutions with a 2024–2026 vision: Strengthening its leading position by becoming one of the TOP 5 companies in Vietnam in the field of integrated logistics, supply chain services, and domestic maritime transport.

- **Mục tiêu chính:**

Key objectives:

Trong chiến lược dài hạn của mình, Công ty tập trung vào các mục tiêu chính sau:



In its long-term strategy, the Company focuses on the following key objectives:

- **Mục tiêu về khách hàng:** Hướng đến các ngành tiêu dùng nhanh, bán lẻ, thời trang, điện tử tiêu dùng, linh kiện phụ tùng, sơn và chất phủ, ô tô – xe máy. Bên cạnh mục tiêu phủ kín mạng lưới phân phối B2B (doanh nghiệp tới doanh nghiệp) cả nước, Công ty sẽ đẩy mạnh việc phát triển kênh phân phối B2C (doanh nghiệp tới người tiêu dùng).

Customer objectives: Targeting key industries such as fast-moving consumer goods, retail, fashion, consumer electronics, spare parts and components, paints and coatings, and automotive-motorcycle sectors. In addition to achieving full nationwide B2B (business-to-business) distribution network coverage, the Company will also focus on expanding its B2C (business-to-consumer) distribution channels.

- **Mục tiêu về sản phẩm, dịch vụ:** Tập trung phát triển các dịch vụ mang lại giá trị gia tăng, phù hợp với xu thế thị trường trên nền tảng năng lực cốt lõi về logistics và chuỗi cung ứng.

Product and service objectives: Focusing on developing value-added services that align with market trends, leveraging the company's core competencies in logistics and supply chain management.

- **Mục tiêu về hạ tầng:** Đầu tư nâng cấp mạng lưới trung tâm logistics tại các địa bàn trọng điểm trên cả nước cùng với hệ thống phương tiện vận tải bộ và đường thủy hiện đại.

Infrastructure objectives: Investing in and upgrading a network of logistics centers in key locations nationwide, along with a modern fleet for road and inland waterway transport.

- **Mục tiêu về hệ thống quản lý chất lượng:** Đảm bảo mục tiêu an toàn vận hành và giảm thiểu sự cố phát sinh. Tối ưu hiệu quả hoạt động thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất lao động. Những điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều khó khăn, thách thức.

Quality management system objectives: Ensuring operational safety and minimizing incidents. Optimizing operational efficiency through strict cost control and improved labor productivity. These efforts are particularly significant given the increasing challenges and difficulties in the business environment.

- **Mục tiêu về công nghệ:** Nâng cấp phần mềm quản lý kho (WMS) và phần mềm quản lý vận tải (TMS) nhằm đáp ứng được các yêu cầu của ngành mục tiêu; hoàn thiện các phần mềm hỗ trợ hoạt động quản trị.

Technology objectives: Upgrading the warehouse management system (WMS) and transport management system (TMS) to meet the requirements of target industries; enhancing business management software to improve operational efficiency

- **Phát triển bền vững:** Vinafco cam kết thực hiện các hoạt động kinh doanh bền vững, có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Sustainable development: Vinafco is committed to sustainable business practices, emphasizing environmental responsibility, community engagement, and social responsibility.

5. Các rủi ro/ Risks

Với ngành kinh doanh chính là lĩnh vực logistics, hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinafco chịu ảnh hưởng của các rủi ro đến từ nhiều yếu tố.

With logistics as its core business sector, Vinafco's operations are subject to risks arising from various factors.

- **Rủi ro kinh tế/ Economic Risks**

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... là những yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó, hoạt động kinh doanh của Vinafco cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô. Đặc biệt, lạm phát cao, tăng trưởng chậm và những bất ổn kinh tế ở các thị trường lớn đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế chung trong nước. Mặc dù yếu tố rủi ro kinh tế nằm ngoài khả năng điều chỉnh của Vinafco, nhưng Công ty đã thiết lập và duy trì hệ thống nhận diện, dự báo, đánh giá đối với các kịch bản rủi ro có thể xảy ra, đó là cơ sở để điều chỉnh lại các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, hạn chế tối đa ảnh hưởng của các rủi ro này.

The economic environment, influenced by key factors such as GDP growth rate, inflation index, interest rates, and exchange rates, ... consists of objective elements that directly impact the development of all manufacturing and service industries, as well as businesses. Therefore, Vinafco's business operations are also affected by macroeconomic factors. Especially, high inflation, slow economic growth, and instability in major markets have impacted overall economic activities in Vietnam. Although economic risks are beyond Vinafco's control, the company has established and maintained a risk identification, forecasting, and assessment system to analyze potential risk scenarios. This system serves as a foundation for adjusting business operations and investment policies, minimizing the impact of these risks to the greatest extent possible.

- **Lãi suất/ Interest rates**

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn. Vì vậy, sự biến động lãi suất có ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó công ty sẽ luôn bám sát tình hình lãi suất thị trường để có phương án phù hợp.

To support its business operations, the Company utilizes both short-term and long-term loan capital. Consequently, interest rate fluctuations have an impact on the Company's

business activities. Therefore, the Company will continuously monitor market interest rate movements to implement appropriate measures.

- ***Biến động giá nhiên liệu/Fuel price fluctuations***

Do hoạt động cốt lõi của Vinafco nằm trong lĩnh vực logistics, biến động giá nhiên liệu và các chi phí liên quan luôn có tác động trực tiếp đến hiệu quả mảng kinh doanh vận tải. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị chi phí và đảm bảo nguồn cung nhiên liệu ổn định, cụ thể:

Given that Vinafco's core operations are in the logistics industry, fluctuations in fuel prices and associated expenses consistently affect the efficiency of its transportation business. To mitigate these risks, the Company has implemented a comprehensive set of cost management solutions and measures to ensure a stable fuel supply, specifically:

- **Tối ưu hóa kỹ thuật:** Xây dựng và cập nhật chính xác định mức tiêu hao cho từng loại phương tiện; định kỳ kiểm tra kỹ thuật và bảo dưỡng đội xe để duy trì hiệu suất vận hành cao nhất.

Technical optimization: Establishing and regularly updating accurate fuel consumption benchmarks for each type of vehicle; performing periodic technical inspections and maintenance of the fleet to maintain optimal operating performance.

- **Quản trị vận hành:** Triển khai sâu rộng các chương trình tiết kiệm nhiên liệu và ứng dụng công nghệ trong giám sát lộ trình để giảm thiểu lãng phí.

Operational management: Implementing company-wide fuel-saving initiatives and applying technology to monitor routes in order to minimize inefficiencies and waste.

- ***Rủi ro về luật pháp – Chính sách/ Legal and policy risks***

Vinafco hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Operating as a joint stock company, Vinafco's activities are governed by a comprehensive legal framework, including the Law on Enterprises, Law on Securities, related legal documents, and guiding circulars.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp liên quan đến hoạt động, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời trong các quy định, chính sách. Công ty cũng chú trọng xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn pháp lý nội bộ được đào tạo bài bản, nhiều kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao để kịp thời đưa ra ý kiến tư vấn, đánh giá trong hoạt động quản lý, kinh doanh nhằm hạn chế được các rủi ro pháp lý phát sinh.

To manage legal risks, the company continuously monitors and updates changes in legal regulations related to its operations, ensuring timely adjustments to its internal policies and procedures. Vinafco also prioritizes the development of an experienced in-house legal advisory team, which is well-trained and highly qualified. This team provides expert legal consultations and assessments in business management and operations to minimize potential legal risks.

- ***Rủi ro đặc thù/ Specific risks***

Với đặc điểm hoạt động chính của Vinafco là kinh doanh dịch vụ trong ba lĩnh vực: Kinh doanh kho bãi, vận tải biển và kinh doanh vận tải, hoạt động kinh doanh của Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành. Mức độ cạnh tranh càng trở nên lớn hơn trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, biến động. Trước áp lực đó, Vinafco nhanh nhạy thích ứng với chiến lược tối ưu hóa chuỗi dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tới các khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng: kho bãi, phương tiện vận tải, hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực, chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên...

As Vinafco primarily operates in three key service sectors: warehousing, maritime transport, and freight transportation, the company faces intense competition from other businesses in the same industry. This competition has become even more challenging due to economic fluctuations and difficulties both globally and domestically. To address these challenges, Vinafco has adopted a proactive approach by implementing strategies to optimize its service chain and enhance service quality for its customers. Additionally, the company continuously seeks new business opportunities and invests in infrastructure development, including warehouses, transportation fleets, and information technology systems. At the same time, Vinafco remains focused on improving the capabilities and expertise of its employees to strengthen its competitive advantage in the industry.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025/ PERFORMANCE SITUATION IN 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Business operations

- ***Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025/ Business performance in 2025:***

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của công ty ghi nhận kết quả bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: doanh thu đạt 96% kế hoạch, lợi nhuận gộp đạt 94%. Doanh thu tăng trưởng 16% so với cùng kỳ chủ yếu đến từ mảng Vận tải bộ, Vận tải biển và Freight Forwarding. Lợi nhuận trước thuế trước khi trích lập dự phòng cũng tăng 16% trong bối cảnh diễn biến giá cước Vận tải biển tương đối thuận lợi cùng với nỗ lực duy trì các mảng kinh doanh khác.

In 2025, the Company's business operations recorded results that closely aligned with the plan approved by the General Meeting of Shareholders: revenue reached 96% of the target, and gross profit reached 94% of the target. Revenue grew by 16% year-on-year,

primarily driven by the Road Transport, Sea Transport, and Freight Forwarding segments. Pre-tax profit before provisions also increased by 16% amid relatively favorable ocean freight rate developments, alongside efforts to maintain other business segments.

- **Về hoạt động tài chính/ Financial Activities:**

Hoạt động tài chính năm 2025 nhìn chung ổn định, không có biến động lớn so với năm trước, thể hiện qua việc doanh thu tài chính và chi phí tài chính đều chỉ tăng nhẹ. Mặc dù công ty có phát sinh thêm nhu cầu vốn cho đầu tư xây dựng kho bãi và phương tiện vận tải, vỏ cont ... làm chi phí tài chính tăng, nhưng nhờ nền tảng tài chính vững mạnh, doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất ưu đãi, qua đó giúp kiểm soát chi phí tài chính và duy trì hiệu quả hoạt động.

The Company's financial activities in 2025 remained generally stable, with no significant fluctuations compared to the prior year, as reflected by only modest increases in both financial income and financial expenses. Although additional funding requirements arose to support investments in warehouse construction, transportation equipment, and container assets, leading to an increase in financial expenses, the Company's strong financial position enabled it to access funding at preferential interest rates. This, in turn, helped control financing costs and maintain overall operational efficiency.

- **Hoạt động quản lý doanh nghiệp/ Corporate management activities:**

Trong năm 2025, Công ty nỗ lực hoàn thiện bộ máy nhân sự nâng cao chuyên môn và năng lực người lao động. Đồng thời, Công ty vận hành các văn phòng mới nhằm nâng cấp cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp.

In 2025, the Company made significant efforts to refine its personnel structure while enhancing the expertise and capabilities of its workforce. Concurrently, the Company launched new offices to upgrade facilities and cultivate a professional working environment.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and personnel

a. Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

Summary of Executive Board members' profiles:



• **Ban điều hành Công ty Cổ phần Vinafco gồm:**

The Executive Board of Vinafco Joint Stock Corporation consists of:

Họ tên <i>Name</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn/nghề nghiệp <i>Professional qualifications/ Expertise</i>
<p>Ông Bùi Minh Hưng (Sinh năm 1977) Mr. Bui Minh Hung (Born in 1977)</p>	<p>Việt Nam Vietnamese</p>	<p>Tổng Giám đốc General Director</p>	<p>Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng Anh.</p> <p>Có nhiều năm kinh nghiệm làm việc, công tác tại các vị trí quản lý, lãnh đạo tại các Công ty lớn như: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP; thành viên HĐQT Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam;....</p> <p><i>Marine Transport Economics Engineer, Bachelor's degree in foreign languages – English.</i></p> <p><i>Extensive experience working in management and leadership positions at major companies, including: Chairman of the Board of Directors of VIP Green Port Joint Stock Company; Board Member of Da Nang Port Logistics Joint Stock Company; Board Member of Green Investment, Services, and Development Joint Stock Company; General Director of Vietnam Container Joint Stock Company.</i></p>
<p>Ông Nguyễn Huy Dương (Sinh năm 1979) Mr. Nguyen Huy Duong</p>	<p>Việt Nam Vietnamese</p>	<p>Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director</p>	<p>Cử nhân kinh tế công nghiệp; nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong mảng kinh doanh. Trước khi đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinafco, từng phụ trách vị trí Giám đốc khối kinh doanh của Vinafco.</p>

Họ tên <i>Name</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn/nghề nghiệp <i>Professional qualifications/ Expertise</i>
(Born in 1979)			<p><i>Bachelor's degree in industrial Economics; extensive experience in business operations.</i></p> <p><i>Before serving as Deputy General Director of Vinafco, previously held the position of Business division Director at Vinafco.</i></p>
<p>Ông Nguyễn Minh Đạt</p> <p>(Sinh năm 1994)</p> <p>Mr. Nguyen Minh Dat</p> <p>(Born in 1994)</p>	<p>Việt Nam</p> <p>Vietnamese</p>	<p>Giám đốc tài chính</p> <p>(Bổ nhiệm từ ngày 15/03/2025)</p> <p>Chief Financial Officer</p> <p>(Appointed from 15/03/2025)</p>	<p>Cử nhân kinh tế đối ngoại, có nhiều năm kinh nghiệm, đảm nhiệm các vị trí quản lý và kiểm soát tại các tập đoàn, công ty lớn như: Trợ lý Chủ tịch HĐQT phụ trách Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Logistic ASG; Chuyên viên Phân tích Tài chính Công ty Cổ phần Vincommerce; Chuyên viên cao cấp Công ty TNHH PwC Việt Nam;....</p> <p><i>Bachelor's degree in Foreign Economics; extensive experience holding management and oversight positions at major corporations and companies, such as: Assistant to the Chairman of the Board of Directors in charge of Finance of ASG Corporation; Member of the Supervisory Committee of ASG Logistics Joint Stock Company; Financial Analyst of Vincommerce Joint Stock Company; Senior Specialist of PwC Vietnam Company Limited;</i></p>

- Giám đốc các chi nhánh/đơn vị thành viên chủ chốt của Công ty Cổ phần Vinafco:

Directors of Branches/ Key member units of Vinafco Joint Stock Corporation:

Họ tên <i>Name</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn/nghiệp vụ <i>Professional qualifications/ Expertise</i>
Ông Đinh Xuân Hưng <i>(Sinh năm 1972)</i> <i>Mr. Dinh Xuan Hung</i> <i>(Born in 1972)</i>	Việt Nam <i>Vietnamese</i>	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Vinafco <i>General Director of Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	Kinh nghiệm nhiều năm đảm nhận vị trí quản lý tại đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Vinafco <i>Extensive experience in holding management positions at subsidiaries of Vinafco Joint Stock Corporation</i>
Ông Huỳnh Đức Thành <i>(Sinh năm 1982)</i> <i>Mr. Huynh Duc Thanh</i> <i>(Born in 1982)</i>	Việt Nam <i>Vietnamese</i>	Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Director of Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd</i>	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (Victoria University), đã có kinh nghiệm quản lý tại các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực logistics. <i>Master's degree in Business Administration (Victoria University), with management experience at multinational companies in the logistics sector.</i>
Ông Nguyễn Thế Vũ <i>(Sinh năm 1979)</i> <i>Mr. Nguyen The Vu</i> <i>(Born in 1979)</i>	Việt Nam <i>Vietnamese</i>	Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco; Giám đốc CNMN – Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco <i>Director of Vinafco Transport and Services Co., Ltd.; Director of the Southern Branch – Vinafco Transport</i>	Kinh nghiệm nhiều năm ở vị trí quản lý tại các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực logistic như: Quản lý phân phối toàn quốc công ty Toll logistics, Quản lý điều hành cấp cao tại Bestbuy; Quản lý Trung tâm phân phối DKSH. <i>Extensive management experience at multinational companies in the logistics sector, as: National Distribution Manager at Toll Logistics; Senior Operations</i>

Họ tên <i>Name</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn/nghiệp vụ <i>Professional qualifications/ Expertise</i>
		<i>and Services Co., Ltd</i>	<i>Manager at Bestbuy; Distribution Center Manager at DKSH</i>
Ông Phạm Kiên Cường <i>(Sinh năm 1979)</i> <i>Mr. Pham Kien Cuong</i> <i>(Born in 1979)</i>	Việt Nam <i>Vietnamese</i>	Giám đốc Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco <i>Director of Vinafco Logistics, Co., Ltd</i>	Cử nhân Kinh tế, kinh nghiệm nhiều năm đảm nhận vị trí quản lý tại đơn vị thành viên của Công ty Cổ phần Vinafco <i>Bachelor of Economics with extensive years of experience in management positions at subsidiaries of Vinafco Joint Stock Company</i>

- *Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm 2025:*

Changes in the Executive Board of the Company in 2025:

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Appointment date</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Dismissal Date</i>
Ông Nguyễn Minh Đạt <i>Mr. Nguyen Minh Dat</i>	Giám đốc Tài chính <i>Chief Financial Officer</i>	15/03/2025	

- b. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.*

Number of employees and policies for workers

- *Cơ cấu lao động của Vinafco trong năm 2025:*

Vinafco's labor structure in 2025

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 793 lao động. Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

As of December 31, 2025, the total number of employees of the Company is 793 employees. The structure of employees by qualifications is shown in the following table:

Trình độ <i>Education level</i>	Số lượng <i>Number</i>	Tỷ trọng (%) <i>Density (%)</i>
>=Đại học/ <i>Postgraduate</i>	8	1%
Đại học/ <i>University</i>	285	36%
Cao đẳng/ <i>College</i>	66	8%
Trung cấp/ <i>Intermediate</i>	81	10%
Đào tạo nghề/ <i>Vocational training</i>	246	31%
Lao động phổ thông/ <i>Unskilled workers</i>	107	13%
Tổng cộng/ <i>Total:</i>	793	100%

- **Chính sách với người lao động:**

Policies for employees:

Chính sách đào tạo/ *Training Policy*

Con người là tài sản lớn nhất của công ty, vì vậy Vinafco luôn chú trọng đẩy mạnh các chính sách, chương trình phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Vì vậy, năm 2025, Công ty đã tiếp tục duy trì và giữ được nhiều nhân sự vị trí quản lý có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Vinafco. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các chương trình “*Thực tập sinh*” để tuyển chọn các sinh viên tài năng về đào tạo, hướng dẫn và đã tuyển dụng được một số sinh viên thực tập trở thành nhân viên chính thức làm việc cho Vinafco nhằm bổ sung nguồn lực trẻ, hiểu nghề và văn hóa Vinafco cùng tham gia vào chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

Employees are the company's greatest asset; therefore, Vinafco prioritizes talent identification and development programs. In 2025, the company continued to retain experienced management personnel who have been working at Vinafco for many years. Additionally, Vinafco maintains the “Internship Program” to recruit and train talented students. Several interns have been hired as full-time employees, strengthening the young workforce with individuals who understand the industry and Vinafco’s corporate culture, contributing to the company’s business development strategy.

Ngoài ra, để duy trì và không ngừng nâng cao năng lực cốt lõi của Công ty, bộ phận đào tạo Vinafco đã xây dựng môi trường học tập tại Công ty. Khi tham gia vào các chương trình đào tạo, cán bộ, nhân viên có cơ hội được học hỏi, chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm sống và bí kíp nghề nghiệp dựa trên sự thảo luận, cũng như xử lý các tình huống thực tế điển hình, vẫn duy trì đào tạo nội bộ do các Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp đào tạo để nâng cao trình độ, năng suất và chất lượng lao động cho Công ty.

To continuously enhance the company's core competencies, Vinafco's Training Department has fostered a learning-oriented environment. Employees participating in training programs gain opportunities to learn, share skills, exchange experiences, and develop professional expertise through discussions and case studies of real-world scenarios. Vinafco also maintains internal training programs led by company managers, aiming to improve employees' skills, productivity, and service quality.

Chính sách lương/ Salary Policy

Công ty Cổ phần Vinafco luôn quan tâm đến chính sách đãi ngộ và đời sống của cán bộ nhân viên, với mong muốn cán bộ nhân viên luôn hài lòng, an tâm và tin tưởng khi làm việc và cống hiến tại Công ty.

Vinafco Joint Stock Corporation is committed to providing competitive compensation and benefits, ensuring that employees feel secure, satisfied, and motivated to contribute to the company.

Để thực hiện được điều này, về chính sách lương, Công ty đã tiến hành xây dựng dựa trên các tiêu chí: Cạnh tranh với thị trường; gắn tiền lương với kết quả công việc và thành tích đóng góp; đảm bảo tính công bằng và minh bạch; tạo được động lực, khuyến khích người lao động tăng hiệu quả và chất lượng công việc. Kết quả của việc xây dựng chính sách lương phù hợp được thể hiện thông qua sự đóng góp tích cực của nhân viên vào kết quả sản xuất kinh doanh Vinafco trong năm vừa qua và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

To achieve this, the company's salary policy is built on the following principles: Competitiveness with the market; performance-based pay, linking salaries to job performance and contributions; fairness and transparency in compensation, motivation and incentives to encourage employees to improve productivity and work quality. The effectiveness of this salary policy is reflected in employees' positive contributions to Vinafco's business performance over the past year and serves as a foundation for sustainable development in the future.

Chính sách thưởng/ Bonus Policy

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất, chất lượng và hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

To motivate and encourage employees to enhance their contributions, improve productivity, and achieve high-quality work performance, Vinafco implements an annual bonus policy and special recognition awards for individuals and teams. Bonus evaluations are based on, innovations in technical improvements, enhancements in business

organization methods, acquisition of new customers and markets, outstanding completion of assigned tasks, high business performance, efforts in combating inefficiencies and wastefulness

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động/ Other employee benefits and policies

Cùng với việc thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội theo quy định của pháp luật về lao động, Công ty còn có các chính sách chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên Vinafco thông qua chương trình Bảo hiểm phúc lợi cho cán bộ nhân viên (Bảo Việt Care) nhằm hỗ trợ người lao động giảm áp lực về kinh tế và được sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao khi gặp rủi ro do tai nạn, ốm đau, bệnh tật.

In addition to complying with social security regulations as mandated by labor laws, Vinafco also provides healthcare benefits for employees through the Bao Viet Care Welfare Insurance Program. This program helps employees reduce financial burdens and access high-quality medical services in case of accidents, illness, or other health issues.

Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; cụ thể:

In addition, the Company also has in-kind allowances for employees working in hot and heavy conditions; pay attention to officials and employees during holidays; specifically:

- ❖ Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;

Protective measures against heat and hazardous working conditions for employees in high-risk environments.

- ❖ Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào dịp sinh nhật; nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; cưới hỏi; ngày lễ tết (tết Dương lịch, tết Nguyên đán; ngày 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, ngày Quốc khánh 2/9);

Giving gifts to officials and employees on their birthdays; on the occasion of International Women's Day 8/3; Vietnamese Women's Day 20/10; wedding; holidays (New Year, Lunar New Year; 30/4, International Labor Day 1/5, National Day 2/9);

- ❖ Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7;

Giving gifts to officers and employees of the Company participating in the armed forces on the occasion of the founding of the Vietnam People's Army on 22/12; War Invalids and Martyrs' Day 27/7;

- ❖ Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, rằm trung thu;

Organizing activities and giving gifts for employees' children on special occasions on International Children's Day June 1; Mid-Autumn Festival

❖ Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

Give gifts to children who have achieved high academic achievements.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment situation and Project implementation*

a. Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*

Năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư vào xây dựng kho mới, phương tiện vận tải và vỏ container, qua đó nâng cao năng lực hoạt động và mở rộng quy mô kinh doanh. Đây là bước đi cần thiết nhằm tận dụng hiệu quả quỹ đất hiện có, đồng thời đổi mới và nâng cấp hệ thống phương tiện, trang thiết bị, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ. Các khoản đầu tư này tạo nền tảng quan trọng, hỗ trợ Công ty thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tới.

In 2025, the Company accelerated its investments in new warehouse construction, transportation equipment, and container assets, thereby enhancing operational capacity and expanding its business scale. This represents a necessary strategic step to effectively utilize existing land resources, while modernizing and upgrading its fleet and equipment, contributing to improved service quality. These investments provide a solid foundation to support the Company's growth and strengthen its competitive position in the coming period.

b. Tình hình thực hiện giải ngân các dự án đầu tư năm 2025/ *Disbursement status of investment projects in 2025*

Đơn vị: Tỷ đồng/ *Unit: Billion VND*

Danh mục <i>Category</i>	Kế hoạch <i>Plan</i>	Thực hiện <i>Actual</i>	Tỷ lệ <i>Rate</i> TH/KH <i>(Actual/Plan)</i>
<i>Xây dựng nhà kho 2.880m2/</i> <i>Construction of a 2,880m² warehouse</i>	23.073	22.589	98%
<i>Phương tiện vận tải/</i> <i>Transport Vehicles</i>	44.678	43.409	97%
<i>Vỏ Cont/</i> <i>Container Shells</i>	38.221	30.729	80%
<i>TSCĐ khác/</i> <i>Other fixed assets</i>	26.515	17.754	67%
Tổng cộng/ Total	132.486	114.481	86%

c. Các công ty con, công ty liên kết:

Subsidiaries and Affiliates:

• **Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco/ *Vinafco Shipping Joint Stock Company:***

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco (“**Vận tải biển Vinafco**”), trước đây là công ty TNHH Vận tải biển, được thành lập theo giấy chứng nhận số 0105275178 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 01 năm 2006. Công ty này đã chuyển đổi thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 5 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/05/2011. Hoạt động chính của Vận tải biển Vinafco là kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Vận tải biển Vinafco hiện nay có trụ sở chính tại Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, mức vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ tổng cả trực tiếp và gián tiếp 90,12% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Shipping Joint Stock Company (“Vinafco Shipping”), formerly known as Vinafco Shipping Co., Ltd., was established under business registration Certificate No. 0105275178, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006. The company was later converted into a joint-stock company, as per the 5th amended business registration Certificate issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on May 10, 2011. Vinafco Shipping's core business is coastal and ocean freight transport services. The company's headquarters is located at Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, with a charter capital of 90,000,000,000 VND. As of December 31, 2025, Vinafco holds a total direct and indirect ownership of 90.12% in this subsidiary.

• **Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco/ *Vinafco Logistics Co., Ltd.:***

Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco, mã số thuế hiện nay là 0106641275, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó với mức vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Tiếp vận Vinafco là kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ. Công ty Tiếp vận Vinafco có trụ sở chính tại 33C Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội và văn phòng giao dịch tại Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Logistics Co., Ltd. with Tax code 0106641275, was established under its initial Business Registration Certificate issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003, and subsequently amended business registration certificates. The company has a charter capital of 25,000,000,000 VND. Vinafco Logistics Co., Ltd., Core business activities include warehouse rental, operation, and management services, as well as road freight transport services. The company's

headquarters is located at 33C Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City, with a transaction office at Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City. As of December 31, 2025, Vinafco holds 100% ownership in this subsidiary.

- **Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco (“Vận tải và Dịch vụ Vinafco”)/ Vinafco Transport and Services Co., Ltd. (“Vinafco Transport and Services”)**

Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco được có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106641324 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/01/2006, mức vốn điều lệ tại thời điểm này là 44.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Vận tải và dịch vụ Vinafco là kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ hải quan và nhập khẩu ủy thác. Vận tải và dịch vụ Vinafco có trụ sở chính tại 33C Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, văn phòng giao dịch tại thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty này.

Vinafco Transport and Services Co., Ltd. was established under business registration certificate No. 0106641324, initially issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006. At that time, the company had a charter capital of 44,000,000,000 VND. The core business activities of this company include: Road freight transport services, customs services, and entrusted import services. Vinafco Transport and Services has headquarters at 33C Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City; its transaction office is at Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City. As of December 31, 2025, Vinafco holds 100% ownership in this subsidiary.

- **Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ (“Vinafco Đình Vũ”)/ Vinafco Dinh Vu Logistics Co., Ltd. (“Vinafco Dinh Vu”)**

Công ty Vinafco Đình Vũ được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200887974 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28/02/2009. Hoạt động chính của Vinafco Đình Vũ là kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ. Vinafco Đình Vũ có mức vốn điều lệ là 21.000.000.000 đồng, trụ sở tại Phòng 227, tầng 2 Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Dinh Vu was established under business registration certificate No. 0200887974, initially issued by the Hai Phong Department of Planning and Investment on February 28, 2009. Vinafco Dinh Vu's main activities are leasing, operating and managing warehousing and road freight transportation services. Vinafco Dinh Vu has a charter capital of VND 21,000,000,000, headquartered at Room 227, 2nd Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City. As of December 31, 2025, the Company holds 100% of the equity in this subsidiary.

- Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng (“Vinafco Đà Nẵng”)/ *Vinafco Da Nang One Member Limited Company (“Vinafco Da Nang”)*

Công ty Vinafco Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401389827 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng lần đầu ngày 18/11/2010, với mức vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng trụ sở tại Đường số 5A, Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng. Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần 3 ngày 11/03/2016 điều chỉnh mức vốn điều lệ lên 48.000.000.000 đồng. Trong năm 2022 vốn điều lệ của Vinafco Đà Nẵng điều chỉnh còn 31.500.000.000 đồng và tiếp tục duy trì mức vốn điều lệ này trong năm 2025. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Da Nang was established under the business registration certificate No. 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on 18/11/2010, with a charter capital of 25,000,000,000 VND, headquartered at Street 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City. The company changed its business registration for the 3rd time on 11/03/2016 to adjust the charter capital to 48,000,000,000 VND. In 2022, Vinafco Da Nang's charter capital will be adjusted to VND 31,500,000,000 billion and continue to maintain this charter capital in 2025. As of December 31, 2025, the Company holds 100% of the equity in this subsidiary.

- Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương (“Vinafco Bình Dương”)/ *Vinafco Binh Duong One Member Limited Company (“Vinafco Binh Duong”)*

Công ty Vinafco Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701833950 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 với mức vốn Điều lệ là 45.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Vinafco Bình Dương là kinh doanh dịch vụ cho thuê, vận hành và quản lý kho bãi và vận tải hàng hóa đường bộ. Vinafco Bình Dương có trụ sở chính tại Lô N, Đường số 26, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Binh Duong was established under the business registration certificate No. 3701833950 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Duong Province on 18/02/2011 with charter capital of 45,000,000,000 VND. Vinafco Binh Duong's main activities are leasing, operating and managing warehousing and road freight services. Vinafco Binh Duong is headquartered at Lot N, Street No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City. As of December 31, 2025, the Company holds 100% of the equity in this subsidiary.

- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung (“Vinafco Miền Trung”)/ *Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd. (“Vinafco Central”)*

Vinafco Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100943814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 với mức vốn Điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Vinafco Miền Trung là kinh

doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; dịch vụ hải quan và dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác. Vinafco Miền Trung có trụ sở chính tại Thôn Cương Trung C, xã Tuyên Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị. Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ tổng cả trực tiếp và gián tiếp 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Central was established under the business registration certificate No. 3100943814 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Binh Province on 15/08/2012 which is 5,000,000,000 VND. The main activities of Vinafco Central are road freight transport services; customs services and entrusted import and export services. Vinafco Central is headquartered in Cương Trung C Village, Tuyên Hoa Commune, Quang Binh Province. As of December 31, 2025, the Company directly and indirectly holds a total of 100% of the equity in this subsidiary.

- Công ty Cổ phần Cảng Xanh Vinafco (Cảng xanh Vinafco) /Vinafco Green Port Joint Stock Company (Vinafco Green Port)

Cảng xanh Vinafco được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1102134170 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/12/2025 với mức vốn Điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Vinafco Cảng xanh là kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Vinafco Cảng xanh có trụ sở chính tại CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh. Tại ngày 31/12/2025, Công ty nắm giữ tổng cả trực tiếp và gián tiếp 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vinafco Green Port was established under Business Registration Certificate No. 1102134170, issued by the Business Registration Office of the Tay Ninh Province Department of Finance on December 3, 2025, which is 5,000,000,000 VND. The main activities of Vinafco Green Port are warehousing and storage of goods. Vinafco Green Port is headquartered at Thien Loc Thanh Industrial Cluster, Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province. As of December 31, 2025, the Company directly and indirectly holds a total of 51% of the equity in this subsidiary.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a. Tình hình tài chính/ Financial situation

Đơn vị: VND/ Unit: VND

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm 2025 <i>In 2025</i>	Năm 2024 <i>In 2024</i>	% tăng (giảm) <i>% Increase (Decrease)</i>
Tổng giá trị tài sản (VND)/ <i>Total asset</i>	1.146.002.428.764	1.056.892.074.297	8,4%
Doanh thu thuần (VND)/ <i>Net</i>	1.354.643.764.581	1.163.383.793.964	16,4%

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm 2025 <i>In 2025</i>	Năm 2024 <i>In 2024</i>	% tăng (giảm) <i>% Increase (Decrease)</i>
<i>revenue</i>			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (VND)/ <i>Profit from business activities</i>	27.023.693.460	35.521.596.839	-24%
Lợi nhuận khác (VND)/ <i>Other profits</i>	(203.032.816)	1.159.960.346	-118%
Lợi nhuận trước thuế (VND)/ <i>Profit before tax</i>	26.820.660.644	36.681.557.185	-27%
Lợi nhuận sau thuế (VND)/ <i>Profit after tax</i>	13.636.578.861	24.684.438.145	-45%
Tỷ suất lợi nhuận/cổ phần/ <i>Earnings per Share</i>	403	730	-45%

Tổng giá trị tài sản năm 2025 tăng 8,4% so với năm 2024. Trong đó cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2025 tăng 43.705.140.160 VND tương ứng tăng 5,8% so với năm 2024. Tài sản dài hạn tăng 45.405.268.307 VND tỷ đồng tương đương tăng 15,2 % so với năm 2024.

Total assets in 2025 increased by 8.4 % compared to 2024. Short-term assets increased by 43,705,140,160 VND, equivalent to a 5,8% rise compared to 2024. Long-term assets increased by 45,405,268,307 VND, representing a 15.2 % decline from 2024.

Doanh thu thuần năm 2025 tăng 16,4% so với năm 2024 tương đương 191.259.970.617 VND.

Net revenue in 2025 increased by 16.4% compared to 2024, equivalent to VND 191,259,970,617.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 giảm so với năm 2024, nguyên nhân chính là do trong năm, Công ty có trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Profit before tax in 2025 declined compared to 2024, primarily due to the Company's provision for doubtful receivables during the year.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Các chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	ĐVT <i>Units of Calculation</i>	2024	2025
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)/ <i>Current Ratio (Current Assets/ Short-term Liabilities)</i>	%	235%	204%
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn + <i>Quick Ratio (Short term Asset – Inventories)/ Short term Debt</i>	%	231%	200%
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total assets ratio</i>	%	33%	39%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>Debt/Owner's Equity ratio</i>	%	48%	64%
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản <i>Net revenue/ Average Total Assets</i>	%	110%	118%
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitability Indicators</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (<i>Profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	%	2%	1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (<i>Profit after tax/ total capital Ratio</i>)	%	3%	2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản <i>Profit after tax/ Total assets Ratio</i>	%	2%	1%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh	%	7%	7%

Các chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	ĐVT <i>Units of Calculation</i>	2024	2025
doanh/ doanh thu thuần/ (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholder structure and changes in owner's investment capital*

a. Cổ phần/ *Shares:*

Tổng số cổ phần: 34.000.000 cổ phần trong đó/ *Total shares: 34,000,000 shares, including:*

- o Cổ phần đang lưu hành 33.801.062 cổ phần và tự do chuyển nhượng.
Outstanding shares: 33,801,062 shares, freely transferable.
- o Cổ phiếu quỹ: 198.938 cổ phần
Treasury shares: 198,938 shares.

b. Cơ cấu cổ đông/ *Shareholder structure:*

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

(*Source: According to the shareholder list provided by the Vietnam Securities Depository Center.*)

- Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài/ *Domestic shareholders, foreign shareholders*

STT <i>No.</i>	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Số lượng nắm giữ (cổ phiếu) <i>Number of shares held (Shares)</i>	Tỷ lệ nắm giữ <i>Holding ratio</i>
1	Cổ đông trong nước <i>Domestic shareholders</i>	18.805.452	55,31%
2	Cổ đông nước ngoài <i>Foreign shareholders</i>	15.194.548	44,69%
Tổng cộng/ <i>Total</i>		34.000.000	100%

- Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức

Individual shareholders, Institutional shareholders

STT <i>No.</i>	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Số lượng nắm giữ (cổ phiếu) <i>Number of shares held (Shares)</i>	Tỷ lệ nắm giữ <i>Holding ratio</i>
1	Cổ đông là tổ chức <i>Institutional shareholders</i>	33.636.286	98.93%
2	Cổ đông là cá nhân <i>Individual shareholders</i>	363.714	1.06%
Tổng cộng/ Total		34.000.000	100%

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có.

Changes in owner's investment capital: None.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:*

Treasury share transactions:

Số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2025 Công ty Cổ phần Vinafco nắm giữ là 198.938 cổ phần.

As of December 31, 2025, Vinafco Joint Stock Corporation holds 198,938 treasury shares.

e. *Các chứng khoán khác:* Không có.

Other securities: None.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty/ *Report on the Company's environmental and social impact*

Trong gần 40 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Vinafco luôn hướng tới sự phát triển bền vững, tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn lực, kết hợp với hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường, giảm thải khí nhà kính và nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Throughout nearly 40 years of establishment and development, Vinafco Joint Stock Corporation has consistently aimed for sustainable growth and efficient resource utilization while minimizing environmental pollution, reducing greenhouse gas emissions, and enhancing corporate social responsibility.

a. *Tác động lên môi trường/ Environmental impact:*

Vinafco tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Các hoạt động như lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ

môi trường, quan trắc môi trường và quản lý chất thải luôn được Vinafco triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và không để xảy ra bất cứ sai phạm nào.

Vinafco strictly complies with environmental protection and energy-saving regulations. Activities such as making environmental impact assessment reports, environmental protection plans, environmental monitoring and waste management are always fully and seriously implemented by Vinafco and do not allow any violations to occur.

Chất thải rắn, lỏng và chất thải nguy hiểm trong quá trình khai thác hàng hóa, cung cấp dịch vụ đều được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đối tác có chức năng và được Nhà nước cấp phép hoạt động. Nước thải sinh hoạt đều được xử lý bằng hệ thống xử lý nước tại các nhà kho, văn phòng trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tiến hành đầu tư, thay thế các trang thiết bị ít ô nhiễm môi trường như: xe nâng điện, cày tay điện...

All waste, including solid, liquid, and hazardous waste generated during cargo handling and service operations, is collected, transported, and processed by licensed and state-approved partners. Additionally, domestic wastewater is treated through onsite treatment systems at warehouses and offices before being discharged into the environment. To further reduce environmental pollution, Vinafco has invested in and replaced equipment with eco-friendly alternatives, such as electric forklifts and electric hand pallet trucks.

b. Khối lượng tiêu thụ năng lượng và lượng nước sử dụng trong năm:

Energy and water consumption in the year

Vinafco đặt mục tiêu tối ưu hoá việc sử dụng nhiên liệu, năng lượng và tiêu thụ nước trong quá trình vận hành của toàn Công ty nhằm hướng tới việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Vinafco is committed to optimizing fuel, energy, and water usage across its operations to promote environmental protection and sustainable development.

Hàng năm, Công ty triển khai bảo trì định kỳ hệ thống cơ điện, phương tiện vận hành tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng và tăng tuổi thọ thiết bị. Bên cạnh đó, Công ty tích cực thực hiện các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức tiết kiệm nước, tiết kiệm điện cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Each year, the Company conducts regular maintenance of electrical systems and operational vehicles, strictly following manufacturer recommendations to ensure efficient, stable performance, minimal breakdowns, and extended equipment lifespan. Additionally, Vinafco actively promotes awareness campaigns to educate employees on water and electricity conservation, encouraging responsible resource usage throughout the organization.

c. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Compliance with environmental protection Laws

Công ty luôn thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường. Trong năm 2025, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường

Vinafco strictly adheres to all environmental protection regulations set by the government. In 2025, the company did not incur any penalties for environmental violations.

d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Reports related to responsibilities to local communities

Đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng và xã hội, năm 2025 Công ty đã triển khai hoạt động hỗ trợ thiện nguyện cho những trường hợp khó khăn tại địa phương.

Committed to community and social development, in 2025, Vinafco carried out charitable support programs to assist underprivileged individuals in local areas.

e. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Reports related to green capital market activities under the guidance of the State Securities Commission

Công ty không có hoạt động này.

The company does not have this activity.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH/ REPORT AND ASSESSMENT BY THE EXECUTIVE BOARD

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Evaluation of Business Performance

Năm 2025, Công ty đạt 1.354,6 tỷ đồng doanh thu thuần tương đương 96% so với kế hoạch (kế hoạch doanh thu năm 2025 là 1.406,6 tỷ đồng) và tăng 16% so với doanh thu năm 2024 (1.163,4 tỷ đồng).

In 2025, the Company recorded VND 1,354.6 billion in net revenue, equivalent to 96% of the planned target (the 2025 revenue plan was VND 1,406.6 billion) and representing a 16% increase compared to 2024 revenue (VND 1,163.4 billion).

Lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 101,5 tỷ đồng, tương đương 94% kế hoạch đề ra. Chi tiết về hiệu quả của từng mảng trong thực hiện lợi nhuận gộp năm 2025 như sau:

Gross profit for 2025 reached VND 101.5 billion, equivalent to 94% of the planned target. The performance of each segment in contributing to gross profit in 2025 is detailed as follows:

- Lợi nhuận gộp mǎng kho đǎt 16,2 tỷ, đǎt 67 % so với kế hoạch và thấp hơn 36 % so với thực hiện năm 2024.

Gross profit from the warehousing segment reached VND 16.2 billion, achieving 67% of the plan and decreasing by 36% compared to the 2024 results.

- Lợi nhuận gộp mǎng vận tải đường bộ ba miền đǎt 26,9 tỷ đòng, đǎt 103% so với kế hoạch. So với thực hiện 2024, lợi nhuận gộp của năm 2025 ở mǎng vận tải bộ giảm 17 %.

Gross profit from the nationwide road transport segment reached VND 26.9 billion, achieving 103% of the plan. Compared to 2024, the 2025 gross profit from the road transport segment decreased by 17%.

- Lợi nhuận gộp mǎng vận tải biển đǎt 41,8 tỷ đòng, đǎt 116% so với kế hoạch kinh doanh năm 2025, đòng thời tăng 919% so với năm 2024, tương đương tăng 37,3 tỷ đòng.

Gross profit from the maritime transport segment reached VND 41.8 billion, achieving 116% of the 2025 business plan, representing an 919% increase compared to 2024, equivalent to an increase of VND 37.3 billion.

- Lợi nhuận gộp mǎng Freight forwarding đǎt 1,7 tỷ đòng, đǎt 32% so với kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Gross profit from the freight forwarding segment reached VND 1.7 billion, achieving 32% of the 2025 business plan.

Chi phí quản lý của doanh nghiệp năm 2025 đǎt 91,4 tỷ đòng, tương đương 124% so với kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Corporate management expenses in 2025 amounted to VND 91.4 billion, equivalent to 124% of the 2025 business plan.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 lãi 26,8 tỷ đòng, đǎt 67% kế hoạch đề ra.

Pre-tax profit in 2025 reached a profit of VND 26.8 billion, achieving 67% of the planned target.

2. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a. Tình hình tài sản/ *Asset situation*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm 2025 <i>In 2025</i>	Năm 2024 <i>In 2024</i>	% tăng (giảm) % Increase (Decrease)
Tổng tài sản (VND)/ <i>Total asset</i>	1.146.002.428.764	1.056.892.074.297	8,4%
Doanh thu thuần (VND) <i>Net revenue</i>	1.354.643.764.581	1.163.383.793.964	16,4 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (VND)/ <i>Profit from business activities</i>	27.023.693.460	35.521.596.839	24 %
Lợi nhuận khác (VND)/ <i>Other profits</i>	(203.032.816)	1.159.960.346	-118%
Lợi nhuận trước thuế (VND)/ <i>Profit before tax</i>	26.820.660.644	36.681.557.185	-27%
Lợi nhuận sau thuế (VND)/ <i>Profit after tax</i>	13.636.578.861	24.684.438.145	-45%
Tỷ suất lợi nhuận/cổ phần/ <i>Earnings per share</i>	403	730	-45%

b. Tình hình nợ phải trả/ *Debt payable situation*

TT	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm 2024 <i>In 2024</i>	Năm 2025 <i>In 2025</i>	% tăng (giảm) % Increase (Decrease)
A	Nợ phải trả/ <i>Accounts Payable</i>	447.310.387.073	344.688.097.188	29,8 %
I	Nợ ngắn hạn <i>Short-term debt</i>	394.170.867.781	322.580.132.067	22 %
II	Nợ dài hạn	53.139.519.292	22.107.965.121	140 %

	<i>Long-term debt</i>			
B	Vốn chủ sở hữu <i>Owner's Equity</i>	698.692.095.691	712.203.977.109	-1,9 %
	Tổng cộng/ Total	1.146.002.482.764	1.056.892.074.297	8,4%

Trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn tăng 8,4% so với năm 2024. Trong đó:

In 2025, the capital structure increased by 8.4% compared to 2024. In which:

- Nợ phải trả cuối năm 2025 tăng 30% so với cuối năm 2024 chủ yếu do tăng phải trả nhà cung cấp và chính sách chuyển cơ cấu nợ vay để tối ưu hóa lãi suất vay vốn.

Liabilities at the end of 2025 increased by 30% compared to the end of 2024, primarily due to an increase in accounts payable to suppliers and the policy of restructuring loans to optimize borrowing interest rates.

- Cơ cấu Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ 2% so với cuối năm 2024 do việc trả cổ tức được thực hiện trong năm.

Shareholders' equity saw a slight decrease of 2% compared to the end of 2024, as dividend payments were made during the year.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Organizational, policy, and management improvements*

Năm 2025, về công tác tổ chức, Công ty tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động và phối hợp nhịp nhàng của cả 4 khối Kinh doanh, Vận hành, Tài chính đầu tư và 2 phòng tham mưu, hỗ trợ. Bên cạnh đó, nhằm liên tục nâng cao năng lực cạnh tranh để không ngừng tăng trưởng bền vững và tạo dựng được môi trường làm việc lý tưởng cho nhân viên, Công ty đã thực hiện một số hoạt động nổi bật sau:

In 2025, regarding organizational work, Vinafco continued to enhance its organizational structure, improving operational efficiency and ensuring seamless coordination among its four key Divisions: Business, Operations, Finance & Investment, and the two advisory and support departments. In addition, to continuously improve competitiveness for sustainable growth and create an ideal working environment for employees, the Company has carried out the following outstanding activities:

- Triển khai chương trình đào tạo với định hướng tập trung vào khuyến khích các nguồn lực nội bộ chia sẻ kiến thức, kỹ năng cho cán bộ nhân viên toàn Công ty; đào tạo chuyên đề về năng lực bán hàng cho nhóm nhân viên kinh doanh.

Launched training programs focused on encouraging internal knowledge sharing, enabling employees to develop skills and expertise across the company.

Additionally, specialized sales competency training was provided for the business team.

- Triển khai hệ thống phần mềm quản trị nhân sự; tiếp tục triển khai hệ thống phần mềm quản lý vận tải; nâng cấp phần mềm quản lý kho lên phiên bản web, tích hợp với các công nghệ khác và tích hợp thành công với hệ thống của khách hàng

Implemented a human resource management system, continued the deployment of the transport management system, and upgraded the warehouse management system to a web-based version. This system was successfully integrated with other technologies and customer platforms.

- Triển khai các hoạt động văn hóa Vinafco, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Promoted Vinafco's corporate culture initiatives, establishing a strong foundation for the company's long-term sustainable development strategy.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Future development plan

Năm 2025 được đánh giá tiếp tục là một năm khó khăn với kinh tế vĩ mô nói chung và Công ty nói riêng. Với tinh thần xông pha và niềm tin vào nguồn lực của mình, Công ty đã lên kế hoạch cho năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận.

2025 has continued to be a challenging year for both the macroeconomy and Vinafco. However, with a proactive spirit and confidence in its internal resources, the company has developed a strategic plan for 2026, aiming for growth in both revenue and profit.

Định hướng chính trong năm 2026 tập trung vào việc phát triển khách hàng mới, tiến đến đa dạng hóa tệp khách hàng và giảm bớt phụ thuộc vào một số nhóm ngành/khách hàng nhất định; cắt giảm tối đa các chi phí mua ngoài và chi phí hoạt động chưa cần thiết; cải thiện tốt hơn chất lượng dịch vụ thông qua đào tạo nội bộ và ứng dụng phần mềm nghiệp vụ. Năm 2026, Vinafco chính thức quyết tâm bước vào hành trình “**Hợp lực vươn tầm – Chinh phục đỉnh cao**”. Công ty quyết tâm kiến tạo những bước tăng trưởng đột phá, củng cố vững chắc vị thế doanh nghiệp Logistics hàng đầu Việt Nam, vươn tầm khu vực.

The main orientation in 2026 is to focus on developing new customers, diversifying the customer base and reducing dependence on certain industries/customer groups; minimize outsourcing costs and unnecessary operating costs; better improve service quality through internal training and application of professional software. In 2026, Vinafco is officially determined to enter the journey of “United To be Great”. The company is determined to create breakthrough growth, firmly consolidate its position as a leading logistics enterprise in Vietnam, reaching out to the region.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Executive Board's explanation regarding the auditor's opinion

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinafco được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần.

The 2025 consolidated financial statements of Vinafco Joint Stock Corporation were audited by AASC Auditing Firm Company Limited, which issued an unqualified opinion.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Report on the Company's environmental and social responsibility

Thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải, tiết kiệm tài nguyên, Công ty đã và đang nghiêm túc thể hiện trách nhiệm xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng thực hiện công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của Cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng. Công tác truyền thông được triển khai rộng rãi vào các ngày lễ về môi trường góp phần giữ gìn môi trường xanh.

Through initiatives such as compliance with pollution control laws, waste management, and resource conservation, the company has consistently demonstrated its social responsibility in environmental protection. Additionally, the Company places strong emphasis on communication and awareness programs to educate employees on environmental protection and efficient energy use. These communication efforts are widely implemented, particularly during environmental awareness events, contributing to a green environment.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ, phúc lợi nhân sự đã thể hiện rõ cam kết đồng hành bền vững của Công ty trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực.

Despite economic challenges, the company remains committed to fully implementing employee benefits and welfare policies, reinforcing its dedication to sustainable human resource management.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng không quên triển khai những hoạt động thiết thực đối với trách nhiệm cộng đồng.

Beyond its core business operations, the Company actively engages in meaningful community initiatives, fulfilling its corporate social responsibility.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ EVALUATION BY THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATIONS

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/ *Evaluation of the Board of Directors on the Company's activities*

a. Về Quản trị điều hành và cơ cấu tổ chức:

Regarding administration and organizational structure:

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2025;
Organizing the 2025 annual General Meeting of Shareholders;
- Kiện toàn bộ máy tổ chức của toàn Công ty.
Consolidating the organizational apparatus of the whole Company.

b. Về Tài chính - đầu tư:

Regarding Finance and investment:

Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Approve the working capital loan credit limit at the Military Commercial Joint Stock Bank, the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and the Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade of Vietnam.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty/ *Board of Directors assessment of the Executive Board's performance*

HDQT thống nhất với báo cáo và đánh giá của Ban điều hành về tình hình hoạt động kinh doanh trong năm vừa qua. HDQT ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung.

The Board of Directors (BOD) agrees with the Executive Board's report and evaluation regarding the company's business performance over the past year. The BOD acknowledges and appreciates the efforts of the Executive Board in managing and operating the company effectively.

Về công tác phối hợp giữa Ban điều hành và HDQT đã thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra. Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đã thực hiện công tác điều hành công ty theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

The coordination between the Executive Board and the BOD has been carried out in accordance with the established requirements. Additionally, the Executive Board has conducted the company's operations in full compliance with Law on Enterprises, the

Company's Charter, and relevant legal regulations, ensuring the legitimate interests of both the company and its shareholders.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2026/ Plans and directions of the Board of Directors for 2026

Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong năm 2026 thông qua một số biện pháp sau:

The Board of Directors aims to enhance its operational effectiveness in 2026 through the following key measures:

- Duy trì kênh thông tin thường xuyên, đầy đủ và kịp thời giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành;

Maintaining regular, comprehensive, and timely communication between BOD members and the Executive Board;

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

Ensuring compliance with all legal requirements and the Company's Charter in executing the BOD's responsibilities;

- Nắm bắt kịp thời, nhanh chóng những biến động của thị trường và tìm ra phương án phản ứng hợp lý;

- Quickly identifying and responding to market fluctuations with appropriate strategies;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban điều hành phát triển mảng dịch vụ vận tải qua các dự án đầu tư đã được phê duyệt;

Supporting and facilitating the Executive Board in expanding transportation services through approved investment projects;

- Xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh doanh;

- Developing a high-quality workforce to drive the company's business growth strategy;

- Thực hiện các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.

Executing strategic objectives approved by the General Meeting of Shareholders.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Members and structure of the Board of Directors:

Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	Chức danh <i>Title</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết <i>Percentage of Voting Shares</i>	Hình thức <i>Formality</i>	Số lượng chức danh HĐQT tại công ty khác <i>Number of Board of Directors titles at other companies</i>
Ông Nguyễn Thái Hòa <i>Mr. Nguyen Thai Hoa</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	0%	Thành viên không điều hành <i>Non-Executive Member</i>	4
Ông Niibayashi Naoki <i>Mr. Niibayashi Naoki</i>	Phó chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>	0%	Thành viên HĐQT <i>Member</i>	1
Ông Takahashi Shinichi <i>Mr. Takahashi Shinichi</i>	Thành viên <i>Member</i>	0%	Thành viên không điều hành <i>Non-Executive Member</i>	0
Ông Đặng Lưu Dũng <i>Mr. Dang Luu Dung</i>	Thành viên <i>Member</i>	0%	Thành viên không điều hành <i>Non-Executive Member</i>	2
Ông Lý Lâm Duy <i>Mr. Ly Lam Duy</i>	Thành viên <i>Member</i>	0%	Thành viên không điều hành <i>Non-Executive Member</i>	3

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Subcommittees of the Board of Directors:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

The Board of Directors has not yet established subcommittees of the Board of Directors.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors:

Các cuộc họp của HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:

Năm 2025, HĐQT Công ty Cổ phần Vinafco đã tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường.

In 2025, the Board of Directors of Vinafco Joint Stock Corporation held regular and extraordinary meetings of the Board of Directors.

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Director'</i> member	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Ông/Mr. Nguyễn Thái Hòa	05	100%	
2.	Ông/ Mr. Đặng Lưu Dũng	05	100%	
3.	Ông/ Mr. Takahashi Shinichi	05	100%	
4.	Ông/ Mr. Lý Lâm Duy	04	80%	Ông Lý Lâm Duy ủy quyền cho Ông Đặng Lưu Dũng tham gia họp ngày 23/05/2025 theo Giấy ủy quyền ngày 20/05/2025 <i>Mr. Ly Lam Duy authorized Mr. Dang Luu Dung to attend the meeting on May 23, 2025, pursuant to the Power of Attorney dated May 20, 2025</i>
5.	Ông/ Mr. Niibayashi Naoki	05	100%	

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định cụ thể như sau:

In 2025, the Board of Directors issued specific Resolutions and Decisions as follows:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1.	NQ số/ Resolution No. 0102/2025/NQ-HĐQT	10/01/2025	<p>Phê duyệt cập nhật địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Đình Vũ (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval for updating the headquarters address of Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company (Approval by written consultation)</i></p>
2.	NQ số/ Resolution No. 0103/2025/NQ-HĐQT	10/01/2025	<p>Phê duyệt điều chỉnh mức trích lương bổ sung năm 2024 (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval for adjustment to additional salary in 2024</i> <i>(Approval by written consultation)</i></p>
3.	NQ số/ Resolution No. 0104/2025/NQ-HĐQT	17/01/2025	<p>Miễn nhiệm và bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Dismissal and appointment of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation</i> <i>(Approval by written consultation)</i></p>
4.	QĐ Số/ Decision No. 010401/2025/QĐ-HĐQT	17/01/2025	<p>Miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Dismissal of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation</i> <i>(Approval by written consultation)</i></p>
5.	QĐ Số/ Decision No. 010402/2025/QĐ-HĐQT	17/01/2025	<p>Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco</p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<p>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</p> <p><i>Appointment of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation</i></p> <p>(Approval by written consultation)</p>
6.	NQ số/ Resolution No. 0105/2025/NQ-HĐQT	07/01/2025	<p>Phê duyệt biểu quyết tán thành thông qua Tờ trình số 001/2025/TTr-VTB ngày 02/01/2025 của Công ty Cổ phần vận tải biển Vinafco về việc chia sẻ tổn thất hàng hoá trong sự cố tàu Morning Vinafco-715HS</p> <p>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</p> <p><i>Approve the vote in favor of the submission No. 001/2025/TTr-VTB dated January 02, 2025 of Vinafco Shipping Joint Stock Company on sharing cargo losses in the incident of the vessel Morning Vinafco - 715HS (Approval by written consultation)</i></p>
7.	NQ số/ Resolution No. 0301/2025/NQ-HĐQT	12/03/2025	<p>Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 12/03/2025</p> <p><i>Resolution of the Board of Directors meeting on March 12, 2025</i></p>
8.	QĐ Số/ Decision No. 030101/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Phê duyệt việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafco tại Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</p> <p><i>Approval of the establishment of the Vinafco Joint Stock Corporation Branch in Phu My Town, Ba Ria – Vung Tau province</i></p>
9.	QĐ Số/ Decision No. 030102/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Ban hành Quy chế Công bố Thông tin Công ty Cổ phần Vinafco</p> <p><i>Issuance of the Information Disclosure Regulation of Vinafco Joint Stock Corporation</i></p>
10.	QĐ Số/ Decision No.	12/03/2025	<p>Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh</p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date	Nội dung <i>Content</i>
	030103/2025/QĐ-HĐQT		doanh Chi nhánh Miền Nam - Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco <i>Approval for the change of business activities of Southern Branch- Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>
11.	QĐ Số/ Decision No. 030104/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt mua Ô tô Pajero Sport/Isuzu MUX-7 chỗ <i>Approval of purchasing of a 7-seater Pajero Sport/Isuzu MUX</i>
12.	QĐ Số/ Decision No. 030105/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Thành lập Phòng Pháp chế Công ty Cổ phần Vinafco <i>Establish the Legal Division of Vinafco Joint Stock Corporation</i>
13.	QĐ Số/ Decision No. 030106/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Vinafco <i>Appointment of the Chief Financial Officer position of Vinafco Joint Stock Corporation</i>
14.	QĐ Số/ Decision No. 030107/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>
15.	QĐ Số/ Decision No. 030108/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd</i>
16.	NQ số/ Resolution No. 0303/2025/NQ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 <i>Approval of credit limit for working capital loans in 2025-2026</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date	Nội dung <i>Content</i>
17.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030301/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank) của Công ty cổ phần Vinafco</p> <p><i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i></p>
18.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030302/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank) của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco</p> <p><i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank) of Vinafco Logistics Company Limited</i></p>
19.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030303/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) của Công ty Cổ phần Vinafco</p> <p><i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i></p>
20.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030304/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	<p>Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco</p> <p><i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) of Vinafco Transportation and Service Company Limited</i></p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
21.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030305/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của Công ty Cổ phần Vinafco <i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i>
22.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0304/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)</i>
23.	QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030401/2025/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approval of the change of business activities of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)</i>
24.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0305/2025/NQ-HĐQT	12/03/2025	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 12/03/2025 về thời gian, địa điểm và chương trình nghị sự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on March 12, 2025 on time, location and agenda of Annual General Shareholders Meeting 2025</i>
25.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0306/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco (T&S), Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (VLC), Công ty TNHH Vận tải và

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			<p>dịch vụ Vinafco Miền Trung (VFC Central), Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương (VFC Bình Dương), Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng (VFC Đà Nẵng)</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd (T&S), Vinafco Logistics Company Limited (VLC), Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd (VFC Central), Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd (VFC Binh Duong), Vinafco Da Nang One Member Co., Ltd (VFC Da Nang)</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
26.	<p>QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030601/2025/QĐ-HĐQT</p>	31/03/2025	<p>Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
27.	<p>QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030602/2025/QĐ-HĐQT</p>	31/03/2025	<p>Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Logistics Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
28.	<p>QĐ Số/ <i>Decision No.</i> 030603/2025/QĐ-HĐQT</p>	31/03/2025	<p>Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Central Region Transportation and Services Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
29.	<p>QĐ Số/ Decision No. 030604/2025/QĐ-HĐQT</p>	31/03/2025	<p>Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
30.	<p>QĐ Số/ Decision No. 030605/2025/QĐ-HĐQT</p>	31/03/2025	<p>Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Da Nang One Member Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>
31.	<p>NQ số/ Resolution No. 0401/2025/NQ-HĐQT</p>	22/04/2025	<p>Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 22/04/2025</p> <p><i>Resolution of the Board of Directors meeting on April 22, 2025</i></p>
32.	<p>QĐ Số/ Decision No. 040101/2025/QĐ-HĐQT</p>	22/04/2025	<p>Phê duyệt nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025</p> <p><i>Approval of the content and meeting documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i></p>
33.	<p>QĐ Số/ Decision No. 0402/2025/QĐ-HĐQT</p>	22/04/2025	<p>Phê duyệt gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025</p> <p><i>Approve the extension of the time for holding</i></p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>
34.	QĐ Số/ Decision No. 040102/2025/QĐ-HĐQT	22/04/2025	Phê duyệt đầu tư xe đầu kéo <i>Approval of the proposal for investment in tractor trucks</i>
35.	QĐ Số/ Decision No. 0403/2025/QĐ-HĐQT	17/04/2025	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approve the signing of contracts and transactions with related parties</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
36.	NQ số/ Resolution No. 0501/2025/NQ-HĐQT	13/05/2025	Phê duyệt việc đề cử nhân sự tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco nhiệm kỳ 2022 – 2027 (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approval of the nomination of candidates for the election of members of the Board of Directors and the Supervisor Committee of Vinafco Shipping Joint Stock Company for the term 2022-2027</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
37.	NQ số/ Resolution No. 0503/2025/NQ-HĐQT	23/05/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 23/05/2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on May 23, 2025</i>
38.	QĐ Số/ Decision No. 050301/2025/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của Dự án đầu tư kho 2.880m ² tại DC Thanh Trì <i>On: Approval of adjustments to some contents of the 2,880m² warehouse investment project at Thanh Tri DC</i>
39.	NQ số/ Resolution No.	04/06/2025	Chuyển địa điểm văn phòng làm việc tại khu

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date	Nội dung Content
	0703/2025/NQ-HĐQT		<i>Resolution of the Board of Directors meeting on July 31, 2025</i>
45.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0901/2025/NQ-HĐQT	08/09/2025	Phê duyệt phương án đầu tư xe tải lạnh (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approve the refrigerated truck investment plan</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
46.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0902/2025/NQ-HĐQT	23/09/2025	Xin phê duyệt thanh lý phương tiện vận tải tại Công ty Cổ phần Vinafco (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approval for liquidation of vehicles at Vinafco Joint Stock Corporation</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
47.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 0903/2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt việc tham gia hiệp hội IATA và mở bảo lãnh ngân hàng (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approval for Participation in the IATA Association and Issuance of a Bank Guarantee</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
48.	QĐ số/ <i>Decision No.</i> 090301/2025/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt việc tham gia hiệp hội IATA và mở bảo lãnh ngân hàng (<i>Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản</i>) <i>Approval for Participation in the IATA Association and Issuance of a Bank Guarantee</i> (<i>Approval by written consultation</i>)
49.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 1001/2025/NQ-HĐQT	21/10/2025	Nghị Quyết cuộc họp HĐQT 21/10/2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			<i>on October 21, 2025</i>
50.	QĐ số/ <i>Decision No.</i> 100101/2025/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Vinafco, Công ty Cổ phần Vinafco- Chi nhánh Miền Nam và Công ty Cổ phần Vinafco- Chi nhánh Cảng Quốc tế phía Nam <i>Approval of the change in the seal design of Vinafco Joint Stock Corporation, Vinafco Joint Stock Corporation- Southern Branch, Vinafco Joint Stock Corporation- Southern International Port Branch</i>
51.	QĐ số/ <i>Decision No.</i> 100102/2025/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Vinafco và cho phép các Công ty/đơn vị thành viên sử dụng mẫu dấu Công ty theo nhận diện chung của Vinafco <i>Approval of the change of Vinafco Joint Stock Corporation's corporate seal and authorize its subsidiaries/member units to use the Company seal in accordance with Vinafco's unified corporate identity</i>
52.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 1201/2025/NQ-HĐQT	26/12/2025	Chuyển đổi pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh mảng vận tải bộ tại khu vực Miền Nam và Phê duyệt Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco - Chi nhánh Miền Nam <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Transformation of the legal entity for road transportation business operations in the Southern region and Approval of the appointment of the Director of Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i> <i>(Approval by written consultation)</i>
53.	QĐ số/ <i>Decision No.</i> 120101/2025/QĐ-HĐQT	26/12/2025	Miễn nhiệm chức danh GD – Chi nhánh miền Nam Công ty Cổ phần Vinafco đối với ông Bùi Minh Hưng

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày Date	Nội dung Content
			(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Dismissal of Mr. Bui Minh Hung from the position of Director of Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i> <i>(Approval by written consultation)</i>
54.	NQ số/ <i>Resolution No.</i> 1202/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2026 <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of signing contracts and transactions with related parties in 2026</i> <i>(Approval by written consultation)</i>

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không có.

Activities of independent Board Members: None.

e. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

Activities of subcommittees in the Board of Directors: None.

f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm:**

List of members of the Board of Directors with training certificates in corporate governance in the year:

Các thành viên HĐQT đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị Công ty.
Members of the Board of Directors have participated in training programs on corporate governance.

2. Ban Kiểm soát/ *Supervisory Committee*

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Members and structure of the Supervisory Committee:

Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh Trưởng ban

Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh Head of committee

Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên

Mrs. Tran Thi Thu Huong *Member*

Bà Trần Thị Nhung Thành viên

Mrs. Tran Thi Nhung *Member*

Cơ cấu và tỷ lệ nắm giữ cổ phần Công ty:

Structure and shareholding ratio of the Company:

Họ và tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết <i>Percentage of voting shares</i>
Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh <i>Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh</i>	Trưởng ban <i>Head of committee</i>	0%
Bà Trần Thị Thu Hương <i>Mrs. Tran Thi Thu Huong</i>	Thành viên <i>Member</i>	0%
Bà Trần Thị Nhung <i>Mrs. Tran Thi Nhung</i>	Thành viên <i>Member</i>	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Activities of the Supervisory Committee

Ban Kiểm soát đã tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ với HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

The Supervisory Committee actively participated in Board of Directors meetings and monitored the implementation of General Meeting of Shareholders resolutions by the Board of Directors and the Executive Board.

Tiến hành kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Điều hành Công ty, cụ thể như sau:

The Supervisory Committee conducted compliance oversight to ensure adherence to legal regulations and company policies in the management and operations of the Board of Directors and the Executive Board, specifically in the following areas:

- Thẩm định các Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính;

Reviewing semi-annual and annual financial statements to assess the accuracy and transparency of financial data.

- Giám sát hiệu quả sử dụng dòng tiền, sử dụng chi phí;

Monitoring cash flow utilization and expense management to ensure efficiency.

- Kiểm soát tình hình thực hiện các dự án và hiệu quả kinh doanh khi dự án đi vào hoạt động;

Overseeing the implementation of investment projects and evaluating their business effectiveness once operational.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về Công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Ensuring compliance with information disclosure regulations in accordance with legal requirements.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các yêu cầu cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát đều được đáp ứng kịp thời, khi cần thiết có thể trao đổi trực tiếp với cán bộ quản lý

During its operations, the Supervisory Committee's information requests were promptly fulfilled, and direct discussions with management were arranged when necessary.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, the Board of Directors and the Supervisory Committee*

Tổng lương, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS

Total salary, remuneration, benefits of the Board of Directors, Board of Directors, Supervisory Committee:

STT No.	Họ và tên Name	Chức vụ Position	Mức thanh toán năm 2025 (VND) Payment level in 2025 (VND)
1.	Bùi Minh Hưng <i>Mr. Bui Minh Hung</i>	Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	1.800.400.000
2.	Nguyễn Huy Dương <i>Mr. Nguyen Huy Duong</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	1.028.560.000
3.	Nguyễn Thái Hòa <i>Mr. Nguyen Thai Hoa</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	240.000.000
4.	Mr. Takahashi Shinichi	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	120.000.000
5.	Đặng Lưu Dũng <i>Mr. Dang Luu Dung</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	120.000.000
6.	Lý Lâm Duy <i>Mr. Ly Lam Duy</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	120.000.000
7.	Mr. Niibayashi Naoki	Phó Chủ tịch HĐQT <i>Vice Chairman of the Board of Directors</i>	180.000.000
8.	Nguyễn Thị Huyền Oanh <i>Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh</i>	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of the Supervisory Committee</i>	96.000.000
9.	Trần Thị Nhung <i>Mrs. Tran Thi Nhung</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Supervisory Committee</i>	72.000.000

10.	Trần Thị Thu Hương <i>Mrs. Tran Thi Thu Huong</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Supervisory Committee</i>	72.000.000
11.	Nguyễn Thúy Hà <i>Mrs. Nguyen Thuy Ha</i>	Thư ký HĐQT <i>Secretary of the Board of Directors</i>	60.000.000
Tổng cộng/ Total			3.908.960.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

Insider Share Transactions: No transactions.

c. Các hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Contracts or transactions with insiders:

Giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Transactions between the company and insiders or related parties of insiders:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
1.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu cho thuê văn phòng, xe đưa đón/ <i>Revenue from office rental, shuttle services and license:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	74
				Giá trị/ <i>Value:</i>	8.448.591.327 VND
2.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	327
				Giá trị/ <i>Value:</i>	37.266.994.410 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
3.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Thu nhập khác/ <i>Other income:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	5
				Giá trị/ <i>Value:</i>	732.333.233 VND
4.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value</i>	10.999.751.250 VND
5.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ <i>Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	229
				Giá trị/ <i>Value:</i>	32.143.993.808 VND
6.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải và cho thuê xe/ <i>Transportation service costs and vehicle rental services:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	2715
				Giá trị/ <i>Value:</i>	368.487.513.76 0 VND
7.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Thu nhập khác/ <i>Other income:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	46
				Giá trị/ <i>Value:</i>	3.930.226.896 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
8.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác/ <i>Other Expenses:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	41
				Giá trị/ <i>Value:</i>	3.080.378.310 VND
9.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	7.470.000.000 VND
10.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Lãi cho vay/ <i>Interest:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	6
				Giá trị/ <i>Value:</i>	150.673.974 VND
11.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Cho vay/ <i>Lend:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	6.100.000.000 VND
12.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu cho thuê phương tiện vận tải/ <i>Revenue from vehicle rental services:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	24
				Giá trị/ <i>Value:</i>	9.321.997.957 VND
13.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
	<i>Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd</i>			Số lượng/ <i>Quantity:</i>	135
				Giá trị/ <i>Value:</i>	62.872.446.460 VND
14.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Thu nhập khác/ <i>Other income:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	73
				Giá trị/ <i>Value:</i>	4.855.100.659 VND
15.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	1.470.000.000 VND
16.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ <i>Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	25
				Giá trị/ <i>Value:</i>	1.219.151.432 VND
17.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí dịch vụ kho bãi, dịch vụ vận tải/ <i>Warehouse service fee, transportation service costs:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	568
				Giá trị/ <i>Value:</i>	14.424.529.669 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
18.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	1.000.000.000 VND
19.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng <i>Vinafco Da Nang One Member Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ kho bãi/ <i>Warehouse service costs:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	72
				Giá trị/ <i>Value:</i>	3.010.165.290 VND
20.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng <i>Vinafco Da Nang One Member Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	2.000.000.000 VND
21.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương <i>Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ kho bãi/ <i>Warehouse service costs:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	60
				Giá trị/ <i>Value:</i>	9.081.100.009 VND
22.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương <i>Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ <i>Revenue from profit sharing:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
				Giá trị/ <i>Value:</i>	
				Giá trị/ <i>Value:</i>	2.000.000.000 VND
23.	Công ty TNHH vận tải ASG <i>ASG Transport Company Limited</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Revenue from transportation services:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	6
				Giá trị/ <i>Value:</i>	107.967.600 VND
24.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	Công ty con của cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major shareholder</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và thuê văn phòng/ <i>Revenue from transportation services, warehousing and office rentalservices:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	21
				Giá trị/ <i>Value:</i>	171.189.436 VND
25.	Shibusawa Logistics Corporation <i>Shibusawa Logistics Corporation</i>	Cổ đông lớn <i>Major shareholder</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chia cổ tức/ <i>Dividends:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	12.133.374.400 VND
26.	Công ty Cổ phần Logistics ASG <i>ASG Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty mẹ <i>Parents company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chia cổ tức/ <i>Dividends:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	13.949.824.800 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
27.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh <i>Cam Ranh International Airport Services JSC</i>	Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Bên liên quan <i>Member of the BOD is also a Board Member of the Related Party</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí hoạt động quản lý doanh nghiệp/ <i>General administrative expenses:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	219.583.334 VND
28.	Công ty Cổ phần Logistics ASG <i>ASG Logistics Joint Stock Company</i>	Công ty mẹ <i>Parents company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
				Giá trị/ <i>Value:</i>	85.918.656 VND
29.	Công ty TNHH Vận tải ASG <i>ASG Transport Company Limited</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	4
				Giá trị/ <i>Value:</i>	659.340.000 VND
30	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG <i>ASG Corporation</i>	Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Bên liên quan <i>Member of the BOD is also a Board Member of the Related Party</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Mua tài sản/ <i>Asset acquisition:</i>	
				Số lượng/ <i>Quantity:</i>	30
				Giá trị/ <i>Value:</i>	17.029.440.000 VND

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
1.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
					Giá trị/ <i>Value:</i>	37.000.000 VND
2.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
					Giá trị/ <i>Value:</i>	48.584.494 VND
3.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	28
					Giá trị/ <i>Value:</i>	1.269.527.933 VND
4.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác/ <i>Other Expenses:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	3
					Giá trị/ <i>Value:</i>	50.489.989 VND
5.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác/ <i>Other Expenses:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	3
					Giá trị/ <i>Value:</i>	42.074.991 VND

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
6.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác/ / <i>Other Expenses:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
					Giá trị/ <i>Value:</i>	3.365.999 VND
7.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam <i>Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd</i>	Công ty con của cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major shareholder</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
					Giá trị/ <i>Value:</i>	161.000.000 VND
8.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam <i>Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd</i>	Công ty con của cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major shareholder</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	26
					Giá trị/ <i>Value:</i>	184.619.365 VND
9.	Công ty Cổ phần Logistics Vietair <i>Logistics Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by parent company</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1.184.164.385 VND
					Giá trị/ <i>Value:</i>	5
10.	Công ty TNHH Vận tải ASG <i>ASG Transport Company Limited</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by parent company</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
					Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1.792.800 VND
					Giá trị/ <i>Value:</i>	2

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Compliance with Corporate governance regulations: Implemented in accordance with current legal regulations.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL REPORT:

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng.

1. Auditor's Opinion: According to the audit firm's opinion, the consolidated and separate financial statements fairly and accurately present, in all material respects, the company's financial position as of December 31, 2025, as well as its business performance and cash flow for the fiscal year ending on the same date. The financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, the Enterprise accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán của Công ty đã được công bố ngày 27/03/2026 trên website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và website của Công ty.

2. The audited consolidated financial statements and audited separate financial statements of the company were publicly disclosed on March 27, 2026 on the websites of the State Securities Commission, the Hanoi Stock Exchange, and the company's official website.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR




BUI MINH HUNG

